

việtnam DANH TÁC

NAM CAO



Đôi lứa xứng đôi

đôi lứa
xứng đôi

Nam Cao

đôi lứa xứng đôi

Nam Cao

bìa: *NXB Nhã Nam*

trình bày: *Muôn Phương*

nguồn: *Internet*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

đôi lứa
xứng đôi

NAM CAO

Mục lục

Lời giới thiệu	8
Tựa	18
1. Đôi lứa xứng đôi	21
2. Nguyên vọng	88
3. Hai khối óc	98
4. Ma đưa	110
5. Chú Khì	129
Người đánh tổ tôm vô hình	
6. Giờ lột xác	150
7. Cái chết của con Mực	156

LỜI GIỚI THIỆU

Văn học tiếng Việt nửa đầu thế kỷ XX chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ, phong phú, đặc sắc của văn xuôi tự sự trong các thể tài phóng sự, truyện ngắn, truyện dài, tùy bút... Đến nay, sau gần một thế kỷ, trải qua nhiều thăng trầm, không ít tác phẩm trong số này đã chứng tỏ giá trị lâu dài của mình và trở thành những mẫu mực hầu như không thể vượt qua – những tác phẩm kinh điển. Tuy vậy, sự lắng đọng của giá trị, sự kết tinh của mẫu mực, ở khu vực di sản này vẫn là những tiến trình đang diễn biến hơn là đã hoàn tất. Do vậy, việc chọn ra và giới thiệu một cách tương đối có hệ thống những tác

phẩm thuộc phần di sản này, là việc cần thiết.

Ở cuốn sách bạn đọc đang cầm trên tay, chúng tôi giới thiệu tập truyện ngắn *Đôi lứa xứng đôi* của nhà văn Nam Cao (1917–1951).

Tập truyện ngắn *Đôi lứa xứng đôi*, ký bút danh Nam Cao, ra mắt bởi nhà xuất bản Đời Mới tại Hà Nội năm 1941, gồm 7 truyện: “Đôi lứa xứng đôi”, “Nguyện vọng”, “Hai khối óc”, “Giờ lột xác”, “Chú Khì người đánh tổ tôm vô hình”, “Ma đưa”, “Cái chết của con Mực”. Được biết, truyện đứng đầu tập vốn được tác giả đặt tên trong bản thảo là “Cái lò gạch cũ”, nhưng người viết lời tựa cho tập truyện – nhà văn Lê văn Trương – đổi thành “Đôi lứa xứng đôi”, có lẽ nhằm gây chú ý cho công chúng đương thời, về sau, khi đưa in lại truyện này trong tập *Luống cày* (tập truyện của 4 tác giả: Nguyên Hồng, Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Kim Lân, Hội Văn hóa cứu quốc xuất bản, Hà Nội, 1945!, tác giả Nam Cao đổi tên truyện của mình thành «Chí Phèo».

Xuất hiện giữa những năm mà cuộc chiến tranh thế giới thứ hai (1939–1945) đang ngày càng khốc liệt, khi các diễn biến cuộc chiến ở tận giới Âu hay ở ngay châu Á hầu như chi phối, thu hút mọi sự quan tâm của người đương thời, kể cả các giới làm báo làm văn, tập truyện *Đôi lứa xứng đôi* hầu như đã không gây được động tĩnh gì trong dư luận văn nghệ. Song điều đó không hề làm nản chí tác giả Nam Cao: chính đây là lúc ông bước vào những năm tháng sáng tác sung sức và hiệu quả nhất của mình, với hàng loạt truyện ngắn, truyện vừa, truyện thiếu nhi, xuất hiện hầu như hằng tuần trên các tờ báo ở Hà Nội.

Phải qua gần hai chục năm sau, trong đời sống hòa bình, giá trị thực sự của các sáng tác của Nam Cao mới được thừa nhận rộng rãi trong các giới sáng tác và phê bình, nghiên cứu văn học.

Truyện “Chí Phèo” hầu như được nhất trí xem như một kiệt tác, đỉnh cao trong văn nghiệp Nam Cao. đồng thời là kiệt tác đỉnh cao của văn xuôi tự sự Việt Nam những năm 1930–1945.

“Chí Phèo” kể về cuộc đời một anh dân cày lưu manh hóa. Là một đứa trẻ bị bỏ rơi ngay từ lúc lọt lòng, Chí Phèo may mắn được người ta nhặt về nuôi rồi trở thành canh điền nhà Bá Kiến, một kỳ mục có thế lực ở làng Vũ Đại. Vì một cơ riêng nào đấy, một ngày kia y bị bắt rồi bị đi tù. Bảy, tám năm sau y trở về làng như một tay anh chị, định gây sự với kẻ đã đẩy mình đi tù là Bá Kiến. Nhưng viên kỳ mục này cao mưu nên rốt cuộc Chí trở thành tay chân của Bá Kiến, trở thành kẻ chuyên nghề đâm thuê chém mướn. Suốt vài chục năm liền Chí chìm trong những cơn say, làm việc ác trong lúc say, đến nỗi y không biết rằng mình đã trở thành một con quỷ dữ trong làng.

Một ngày kia, sau một cuộc rượu say sưa, trên đường về nhà, giữa vườn chuối trên bãi sông, y bỗng thấy một người đàn bà. Đây là thị Nở, nhà cũng gần vườn nhà Chí, một người ngẩn nga, đã xấu xí ma chê quỷ hờn, lại có bệnh hủi; thị đi kín nước dưới sông, tạm ngồi nghỉ rồi ngủ quên. Y sán đến ôm lấy, người đàn bà thức dậy vật lộn với y, dọa kêu làng. Ngạc nhiên vì có người dám dọa kêu làng, là cái đã gần như độc quyền của mình, y vừa cất tiếng la làng vừa đe người đàn bà xuống. Hành vi ấy khiến thị Nở bật cười, rồi từ chống đối thị xoay ra ứng thuận. Sau cuộc tình, cả hai ngủ thiếp đi. Gần sáng, Chí thức dậy vì bị một cơn đau bụng rồi nôn thốc nôn tháo. Thị Nở dìu y vào lều, rồi trở về nhà nấu nồi cháo hành mang sang cho y. Suốt năm ngày, cả hai được sống những giờ phút hạnh phúc và quyết định lấy nhau. Nhưng dự định ấy hỏng ngay khi thị Nở về hỏi bà cô ruột, bị mắng một trận, nhất quyết không cho. Thất vọng, Chí lại uống và lại đến gây sự với Bá

Kiến. Bá Kiến lại cho tiền nhưng lần này Chí đến không phải để xin tiền. Y bảo đến để xin làm người lương thiện, nhưng y biết là không thể được nữa rồi, vậy chỉ còn một cách. Y rút dao đâm nhiều nhát vào Bá Kiến, vừa đâm vừa la làng. Khi có người chạy đến thì thấy y đã nằm giãy giụa giữa đám máu tươi. Bá Kiến và Chí Phèo đều chết. Bà cô thị Nở được dịp day nghiền cháu. Thị Nở nhìn xuống bụng mình, nghĩ không biết sẽ ra sao nếu mình có chữa, rồi thị nghĩ đến cái lò gạch bỏ hoang...

Giới nghiên cứu đánh giá cao sự khám phá của Nam Cao về xã hội làng quê người Việt, nhất là làng xã đồng bằng miền Bắc, nơi mà sự phân tầng xã hội đã chia ra thành những nhóm người, những loại người. Bên cạnh nhóm đông nhất là những người vô danh trong làng, nổi bật lên hai nhóm: nhóm cường hào, vai vế bề trên gồm những Bá Kiến, Lý Cường. Đội Tảo... và nhóm cùng đinh lưu manh hóa gồm những Chí Phèo, Binh Chức,

Năm Thọ... Nhóm cường hào cai trị, bòn rút đám đông dân quê, lại cũng cạnh tranh, sát phạt nhau... chính vì vậy, nhóm cùng đinh lưu manh hóa đã được bọn cường hào sử dụng làm tay chân để trừng trị lẫn nhau và áp chế dân làng.

Nhiều tác phẩm tự sự trong văn học thời kỳ 1930–1945, của Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Đình Lạp, v.v... cũng đã tố cáo nạn cường hào áp chế dân lành ở các làng quê. Nam Cao và một số nhà văn khác, từ những năm 1940 trở đi, nhấn thêm những nét thẩm màu ở bức tranh làng quê quen thuộc ấy, do sự xuất hiện đám cùng đinh lưu manh hóa, bị bọn cường hào lợi dụng.

Điều đáng kể là Nam Cao không chỉ mô tả những nông dân lưu manh hóa như những con người bị tha hóa, mất nhân tính, trở thành những công cụ gieo rắc tội lỗi, gieo rắc sự kinh hoàng vào đời sống làng quê. Ở nhân vật Chí Phèo, như nhiều nhà nghiên

cứu chỉ ra, Nam Cao đã cho thấy cả xu thế tha hóa, vật hóa, phi nhân hóa ở những nông dân lưu manh hóa, lại cũng cho thấy cả sự cưỡng lại quá trình vật hóa, phi nhân hóa ở những nông dân ấy. Việc Chí Phèo đến nhà Bá Kiến đòi «được làm người lương thiện», rồi biết rằng không thể nào xóa đi những tội lỗi mình từng gây ra theo lệnh viên kỳ mục ấy, Chí xông đến giết lão rồi tự sát, – hành vi ấy được nhiều nhà nghiên cứu xem như biểu hiện sự cưỡng chống quyết liệt trước xu thế tha hóa ấy của người nông dân, của con người nói chung.

Đặc sắc ngôn ngữ của Nam Cao trong truyện «Chí Phèo» là, hầu như lần đầu tiên trong văn xuôi tự sự nghệ thuật tiếng Việt ở thời đại mới, nhà văn đưa ra một kiểu lời kể như là của kẻ đứng bên trong nhân vật, hoặc thường là đứng kể nhân vật. Kiểu lời kể của kẻ hình như đứng bên trong nhân vật khiến cho việc mô tả các biến động tâm lý nhân vật

trở nên hết sức năng động. Những cơn say của Chí Phèo, những mạch suy nghĩ của y, sự chuyển hướng bất ngờ của y từ suy nghĩ sang hành động... – tất cả những mảnh vụn đều trở nên liên lạc, hữu lý, do giác độ “kể cận nhân vật” này của người kể chuyện.

Thật ra, Nam Cao vẫn sử dụng ngôn ngữ tự sự kiểu “cổ điển”, thường xuyên nhất vẫn là dùng lời kể từ ngôi thứ ba (“vô hình”, “biết tuốt”), nhưng lời văn kể chuyện, dưới tay bút Nam Cao, dường như không cũ đi, với thời gian.

Bên cạnh truyện “Đôi lứa xứng đôi” (tức “Chí Phèo”), trong tập truyện đầu tay này của Nam Cao còn 6 truyện ngắn khác. Các truyện “Nguyện vọng”, “Hai khối óc”, “Giờ lột xác”, “Cái chết của con mực” đều nói về những khía cạnh đời sống của giới trí thức nghèo, – viên chức nhỏ, nhà giáo,... cái giới sẽ còn được Nam Cao tiếp cận khai thác bằng những sáng tác hay hơn, kết tinh hơn, về sau.

Hai truyện “Chú Khì người đánh tổ tôm vô hình”, “Ma đưa” thuộc loại truyện ma, trong đó Nam Cao ghi lại những nét thuộc đời sống tâm linh, tâm thức dị đoan của người dân các làng quê thời ông.

Phải nói là ở tập truyện ngắn đầu tay này, chất lượng các truyện rõ ràng là không đồng đều. Nhưng ở đây lại có “Đôi lứa xứng đôi” (tức “Chí Phèo”) là một kiệt tác. Điều này cho thấy nhà văn Nam Cao đã định hình cả về văn phong, tư tưởng và nghệ thuật của mình từ rất sớm, hầu như chỉ sau dăm bảy năm vào nghề văn.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, 26/10/2014

Lại Nguyên Ân

TỰA

Giữa lúc người ta đang đắm mình trong những truyện tình mơ mộng và hòa nhau “phụng sự” cái thị hiếu tầm thường của độc giả, ông Nam Cao đã mạnh bạo đi theo một lối riêng, nghĩa là ông đã không thềm đếm xía đến cái sở thích của độc giả. Những cạnh của tài ông đã đem đến cho văn chương một lối văn mới, sâu xa, chua chát và tàn nhẫn, thú tàn nhẫn của con người biết tin ở tài mình, ở thiên chức của mình.

Quyển *Đôi lứa xứng đôi* có được độc giả hoan nghênh hay không, đó là một điều tôi chưa cần biết, tôi chỉ biết rằng lúc viết nó, ông Nam Cao đã không hạ mình xuống bắt

chước ai, không nói những cái người ta đã nói, không tả theo cái lối người ta đã tả. Ông đã dám bước chân vào làng văn với những cạnh sắc của riêng mình.

Những cạnh sắc ấy, nếu ông cứ giữ cho nó sắc mãi thì chúng ta có thể tin ở tương lai văn nghiệp ông. Vườn văn Việt Nam thiếu những bông hoa lạ, thiếu những nghệ sĩ táo bạo, thiếu những bản thể đặc biệt.

Dám nói và dám viết những cái khác người, ông Nam Cao đã đem đến cho ta những khoái cảm mới mẻ, và ông đã tỏ ra một người có can đảm.

Tôi yêu sự can đảm của ngòi bút ông cũng như tôi yêu những thể văn đã vượt được ra ngoài khuôn sáo thông thường, nên tôi sung sướng viết mấy dòng này để giới thiệu ông với độc giả.

Láng, le 22-10-41,

Lê Văn Trương

1. ĐÔI LỬA XỨNG ĐÔI

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu chửi giời. Có hề gì? Giời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ, “Chắc nó trừ mình ra!” Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ô! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông

nỗi này? A ha! Phải đấy, hăn cứ thế mà chửi, hăn chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hăn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hăn nguyền rủa vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có giới mà biết! Hăn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...

* * *

Một anh đi thả ống lươn, một buổi sáng tinh sương đã thấy hăn trần truồng và xám ngắt trong một váy đụp để bên một lò gạch bỏ không, anh ta rước lấy và đem về cho một người đàn bà góa mù. Người đàn bà góa mù này bán hăn cho một bác phó cối không con, và khi bác phó cối này chết thì hăn bơ vợ, hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà nọ.

Năm hai mươi tuổi, hăn làm canh điền cho ông lý Kiến, bấy giờ cụ bá Kiến, ăn tiên chỉ làng. Hình như có mấy lần bà ba nhà ông lý, còn trẻ lắm mà lại hay ốm lũng, bắt hăn bóp

chân, hay xoa bụng, đấm lưng gì đấy. Người ta bảo ông lý ra đình thì hách dịch, cả làng phải sợ, mà về nhà thì lại sợ cái bà ba còn trẻ này. Người bà ấy phốp pháp, má bà ấy hây hây, mà ông lý thì hay đau lưng lắm; những người có bệnh đau lưng hay sợ vợ mà chúa đời là khỏe ghen. Có người bảo ông lý ghen với anh canh điền khỏe mạnh mà sợ bà ba không dám nói. Có người thì bảo anh canh điền ấy được bà ba quyền thu quyền bỏ trong nhà tin cẩn nên lấy trộm tiền trộm thóc nhiều. Mỗi người nói một cách. Chẳng biết đâu mà lần.

Chỉ biết một hôm Chí bị người ta giải huyện rồi biệt tăm đến bảy, tám năm rồi một hôm, hắt lại lù lù ở đâu lần về. Hắt về lớp này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hắt là ai. Trông đặc như thằng sắng cá! Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất căng căng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết! Hắt mặc quần áo nái đen với áo Tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những

nét chạm trở rỗng, phượng với một ông thầy tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết!

Hắn về hôm trước hôm sau đã thấy ngồi ở chợ uống rượu với thịt chó suốt từ trưa cho đến xế chiều. Rồi say khướt, hắn xách một cái vỏ chai đến cổng nhà bá Kiến, gọi tạt tên tục ra mà chửi. Cụ bá không có nhà. Thấy điệu bộ hung hăng của hắn, bà cả đùn bà hai, bà hai thúc bà ba, bà ba gọi bà tư, nhưng kết cục chẳng bà nào dám ra nói với hắn một vài lời phải chăng. Mặc phải cái thằng liều lĩnh quá, nó lại say rượu, tay nó lại nhắm nhắm cầm một cái vỏ chai, mà nhà lúc ấy toàn đàn bà cả...

Thôi thì cứ đóng cái cổng cho thật chặt, rồi mặc thầy cha nó, nó chửi thì tai liền miệng ấy, chửi rồi lại nghe. Thành thử chỉ có ba con chó dữ với một thằng say rượu...

Thật là âm ỹ! Hàng xóm phải một bữa

điếc tai, nhưng có lẽ trong bụng thì họ hả: xưa nay họ mới chỉ được nghe bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá chửi người ta, bây giờ họ mới được nghe người ta chửi lại cả nhà cụ bá. Mà chửi mới sướng miệng làm sao! Mới ngoa ngắt làm sao! Họ bảo nhau: phen này cha con thằng bá Kiến đổ còn dám vác mặt đi đâu nữa! Mồ mả tổ tiên đến lộn lên mất.

Cũng có người hiền lành hơn bảo, “Phúc đời nhà nó, chắc ông lý không có nhà...”. Ông lý đây là ông lý Cường, con giai cụ bá nổi tiếng là hách dịch, coi người như rơm rác. Phải ông lý Cường thử có nhà xem nào! Quả nhiên họ nói có sai đâu! Đấy, có tiếng người sang sảng quát, “Mày muốn lòi thoi gì? Cái thằng không cha không mẹ này! Mày muốn lòi thoi gì?...” Đã bảo mà! Cái tiếng quát tháo kia là tiếng lý Cường. Lý Cường đã về! Lý Cường đã về! Phải biết... A ha! Một cái tát rất kêu. Ôi! Cái gì thế này? Tiếng đấm, tiếng đá nhau bình bịch. Thôi cứ gọi là tan xương! Bỗng “cho-

ang” một cái, thôi phải rồi, hấn đập cái chai vào cột cổng... Ô hấn kêu! Hấn vừa chửi vừa kêu làng như bị người ta cắt họng. Ô hấn kêu!

– Ôi làng nước ôi! Cứu tôi với... Ôi làng nước ôi! Bố con thằng Kiến nó đâm chết tôi! Thằng lý Cường nó đâm chết tôi rồi, làng nước ôi!...

Và họ thấy Chí Phèo lăn lộn dưới đất, vừa kêu vừa lấy mảnh chai cào vào mặt. Máu ra loe loét trông gớm quá! Mấy con chó xông xáo quanh hấn, sủa rất hăng. Lý Cường hơi tái mặt, đứng nhìn mà cười nhạt, cười khinh bỉ. Hừ! Ngõ là gì, chẳng hóa ra nằm ăn vạ! Thì ra hấn định đến đây nằm vạ!

Người ta tuôn đến xem. Mấy cái ngõ tối chung quanh đèn ra biết bao nhiêu là người! Thật ồn ào như chợ. Bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá vững dạ vì có anh lý, cũng xưng xỉa ra chửi góp. Thật ra, các bà muốn xem Chí Phèo ra làm sao? Không khéo nó có ý gieo vạ cho cụ ông phen này...

Nhưng kìa cụ ông đã về. Cụ cất tiếng rất sang hỏi: “Cái gì mà đông như thế này?” Chỗ này “lạ cụ” chỗ kia “lạ cụ”, người ta kính cẩn đứng giãn ra, và Chí Phèo bỗng nằm dài không nhúc nhích rên khe khẽ như gần chết.

Thoáng nhìn qua, đã hiểu cơ sự rồi. Làm lý trưởng rồi chánh tổng, bây giờ lại đến lượt con cụ làm lý trưởng, những việc như thế này cụ không lạ gì. Cụ hãy quát mấy bà vợ đang xưng xía chực tâng công với chồng:

– Các bà đi vào nhà: đàn bà chỉ lôi thôi, biết gì?

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dịu giọng hơn một chút:

– Cả các ông các bà nữa, về thôi đi chứ! Có gì mà xúm lại như thế này?

Không ai nói gì, người ta lảng dần đi. Vì nể cụ bá cũng có, nhưng vì nghĩ đến sự yên ổn của mình cũng có: người nhà quê vốn ghét

lôi thôi. Ai đại gì đứng ỳ ra đấy, có làm sao họ triệu mình đi làm chứng. Sau còn trở lại Chí Phèo và cha con cụ bá. Bây giờ cụ mới lại gần hẳn, khẽ lay và gọi:

– Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên:

– Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rũ tù chưa biết chừng.

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm: người ta bảo cụ hơn người cũng chỉ bởi cái cười.

– Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết? Đời người chứ có phải có ngóc đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi đổi giọng cụ làm thân mật hỏi:

– Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

– Nào đứng lên đi. Cứ vào đâu uống nước đã. Có cái gì ta nói chuyện tử tế với nhau. Cần gì phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.

Rồi vừa xốc Chí Phèo, cụ vừa phàn nàn:

– Khổ quá! Giá có tôi ở nhà thì đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng lý Cường nóng tính không nghĩ trước nghĩ sau. Ai, chứ anh với nó còn có họ kia đấy.

Chí Phèo chả biết họ hàng ra làm sao, nhưng cũng thấy lòng nguôi nguôi. Hắn cố làm ra vẻ nặng nề, ngồi lên. Cụ bá biết rằng mình đã thắng, đưa mắt nháy con một cái, cụ quát:

– Lý Cường đâu! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước, mau lên!

Cụ dất Chí Phèo đứng dậy, giục thêm vài tiếng nữa, và Chí Phèo chịu đi; hắn chỉ cố khập khiễng cái chân như bị què. Là vì lúc ấy trong người hắn rượu đã hơi nhạt rồi, không còn kêu gào chửi bới; và không còn nghe kêu gào chửi bới, hắn thấy hình như không hăng hái nữa.

Sự ngọt ngào làm mềm nhũn, và lại những người đứng xem về cả rồi, hắn thấy hắn hình như trơ trọi. Cái sợ cố hữu trong lòng thức dậy, cái sợ xa xôi của ngày xưa, hắn thấy quá táo bạo. Không táo bạo mà dám gây sự với cha con lý Kiến, bốn đời làm tổng lý. Và nghĩ thế, hắn thấy hắn cũng oai. Hắn làm cái ông gì ở làng này? Không vây cánh, không họ hàng thân thích; anh em không có, đến bố mẹ cũng không...

Ờ, thế mà dám độc lực chơi nhau với lý trưởng, chánh tổng, bá hộ tiên chỉ làng Vũ Đại, Chánh Hội đồng kỳ hào, huyện hào, Bắc kỳ nhân dân đại biểu, khét tiếng đến cả trong

hàng huyện. Thử hỏi đã có mặt nào trong cái làng hơn hai nghìn xuất đinh này làm được thế?

Kể làm rồi có chết cũng là cam tâm. Vậy mà không: cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhữn, mời hấn vào nhà xơi nước. Thôi cũng hả, đã xử nhữn thì hấn vào. Nhưng bỗng hấn lại hơi ngần ngại: biết đâu cái lão cáo già này nó chả lại lừa hấn và nhà rồi lòi thôi?Ồ mà thật, có thể như thế lắm! Này nó hãy lòi ngay mấy cái mâm cái nôi hay đồ vàng, đồ bạc ra khoác vào cổ hấn, rồi cho vợ ra kêu làng lên rồi cột cổ hấn vào, chân cho một trận om xương, rồi vu cho là ăn cướp thì sao?

Cái thằng bá Kiến này, già đời đục khoét, còn đớp cái nước gì mà phải chịu lép như trấu thế? Thôi đại gì mà vào miệng cọp, hấn cứ đứng đây này, cứ lăn ra đây này, lại kêu toáng lên xem nào. Nhưng nghĩ ngợi một tí, hấn lại bảo: kêu lên cũng không nước gì! Lão bá vừa nói một tiếng, bao nhiêu người đã ai

về nhà nấy, hắn có lẫn ra kêu nữa, liệu có còn ai ra?

Vả lại bây giờ rượu nhạt rồi, nếu lại phải rạch mặt thêm mấy nhát thì cũng đau. Thôi cứ vào! Vào thì vào, cần quái gì. Muốn đập đầu thì vào ngay giữa nhà nó mà đập đầu còn hơn ở ngoài. Cùng lắm, nó có giở quẻ, hắn cũng chỉ đến đi ở tù. Ở tù thì hắn coi là thường. Thôi cứ vào...

Vào rồi, hắn mới biết những cái hắn sợ là hão cả. Bá Kiến quả có ý muốn dàn xếp cùng hắn thật. Không phải cụ đón, chính thật cụ khôn róc đời, thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cố cùng liều thân. Chí Phèo không là anh hùng, nhưng nó là cái thằng liều lĩnh. Liều lĩnh thì còn ai thềm chấp! Thế nào là mềm nắn rắn buông?

Cái nghề làm việc quan, nếu nhất nhất cái gì cũng đề đầu ấn cổ thì lại bán nhà đi cho sớm. Cụ vào bảo lý Cường như thế đấy. Vũ

dũng như hấn mà làm được lý trưởng là nhờ có cụ. Cụ mà chết đi rồi “chúng nó” lại không cho ăn bần.

Tiếng vậy, làm tổng lý không phải việc dễ. Ở cái làng này, dân quá hai nghìn, xa phủ xa tỉnh, kể ăn thì cũng dễ ăn nhưng không phải hễ làm lý trưởng thì cứ việc ngồi mà khoét. Hồi năm nọ, một thầy địa lý qua đây có bảo đất làng này vào cái thế “quần ngư tranh thực”, vì thế mà bọn đàn anh chỉ là một đàn cá tranh mỗi. Mỗi thì ngon đấy, nhưng mà năm bè bảy mối, bè nào cũng muốn ăn. Ngoài mặt tử tế với nhau, nhưng thật ra trong bụng lúc nào cũng muốn cho nhau lụn bại để cười lên đầu lên cổ.

Ngay thằng Chí Phèo này đến đây sinh sự biết đâu lại không có thằng nào ầy đến? Nếu cụ không chịu nhịn, làm cho to chuyện có khi tốn tiền. Cái nghề quan bảm thằng có tóc ai bảm thằng trọc đầu? Bỏ tù nó thì dễ rồi; nhưng bỏ tù nó, cũng có ngày nó được ra,

liệu lúc ấy nó có để yên mình không chứ? Cụ phải cái vụ thằng Năm Thọ, mãi đến bây giờ chưa quên.

Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bươu. Hồi ấy, bá Kiến mới ra làm lý trưởng, nó hình như kình nhau với lão ra mặt; lý Kiến muốn trị nhưng chưa có dịp. Được ít lâu, hần can dự vào một vụ cướp bị bắt giam; lý Kiến ngấm ngấm vận động cho vào tù. Vẫn tưởng một người vai vế như Năm Thọ mà thất cơ lỡ vận đến nỗi tội tù làm gì còn dám vác cái mặt mo về làng? Lý Kiến mừng thầm rằng đã nhờ được cây đình trước mắt. Nào ngờ một buổi tối lý Kiến đang ngồi một mình soạn giấy má thì Năm Thọ vác dao xộc vào. Nó đứng chặn lấy cửa và bảo: nếu kêu lên một tiếng thì đâm chết liền, thì ra nó vượt ngục và về đây nhờ ông lý một cái thẻ mang tên một người lương thiện và một trăm đồng bạc để trốn đi. Nó bảo: nghe nó thì nó đi biệt, mà không nghe nó thì nó đâm chết, rồi muốn ra sao thì ra; còn muốn sống với vợ con thì nghe nó.

Lẽ tất nhiên là lý Kiến nghe, Năm Thọ đi phen ấy là mất tấm, cũng không bao giờ về nữa thật. Nhưng thói đời, tre già măng mọc, có bao giờ hết những thằng du côn? Năm Thọ vừa đi, lại có binh Chức ở đâu lần về. Mà thằng này lúc nó còn ở nhà, nào nó có ngạo ngược gì cho cam! Người ta đã phải gọi hăn là cục đất. Ai bảo sao thì ư hữ làm vậy, mới quát một tiếng, thì đã đá ra cả quần, thuế bổ một đồng thì đóng quá hai, đến nỗi có con vợ hay hay mắt, bị người ta ghẹo cũng chỉ im im rồi về nhà hành vợ chứ chẳng dám ho hoe gì, thế đấy: cái nghề đời hiền quá cũng hóa ngu, ở đâu chứ ở đất này đã ngu, đã nhịn thì chúng nó ấn cho đến không còn góc đầu lên được. Hăn làm thì làm cật lực mà quanh năm nghèo rớt mồng tơi; chỉ vì một miếng cũng không giữ được mà ăn; đứa nào nó vớ nó cũng xoay, mà đứa nào xoay cũng chịu. Sau cùng bức quá, hăn ra đi lính. Lại càng thêm tội! Không bức còn được vợ, tuy rằng thỉnh thoảng có bị sây sớt ra ngoài, những vẫn còn

là vợ mình. Bực thì hóa ra mất vợ. Bởi vì chị vợ ở nhà còn trẻ, mới hai con, cái mắt sắc như dao lại hồng hồng đôi má, bỗng nhiên lại sinh ra vắng chồng, của ngon trời trời ngay trước mắt, ai mà chịu được?

Nhà chị binh ở gần đường. Ông phó đi đánh bạc ban đêm về cũng tạt vào; anh trưởng tuần đi tuần cũng tạt vào; anh hàng xóm cũng mò sang, thậm chí đến cái thằng hương điền, đầu hai thứ tóc, già đời làm đầy tớ cho các ông lý trưởng, cũng mon men vào gạ gẫm. Vợ binh Chúc đã nghiệm nhiên thành một con nhà thổ không phải trả tiền để bọn lý dịch lớn nhỏ trong làng chuyên đổi. Chính ngay lý Kiến, tuy hồi ấy đã có đến ba vợ, cũng không nỡ bỏ hoài cái của không dùng được giời cho; và không bỏ hoài, ông còn được lợi. Mỗi lần chị binh đi lĩnh lương hay lĩnh mặng đa của chồng, phải mượn ông lý đi nhận thực. Không ông lý nào vác nhà đi ăn mà nhận thực cho người ta, điều ấy đã cố nhiên. Nhưng với lý

Kiến thì không những cơm rượu tiền túi, còn phải cho ngồi chung xe và còn ở lại tỉnh nữa.

Thế là mấy đồng bạc lương đi đòi; mấy đứa con của chị ngày mai chỉ được mấy cái kẹo đạn mút, hay hậu hĩnh ra thì được mấy cặp bánh giấy giò ăn. Thành thử công lao anh binh, rút lại chỉ cho chị binh mỗi tháng mỗi lần hưởng những cuộc vui với ông lý nhà.

Chẳng hiểu anh ta cũng biết thế mà chán cảnh nhà hay sao mà mãn hạn ba năm cũng không thấy về. Rồi ít lâu sau, có trát về làng bắt tróc nã và áp giải tên Trần Văn Chúc. Lý Kiến khai tên ấy thuộc hạng dân lưu tán không về làng. Nhưng khai hôm trước thì hôm sau hẩn về. Lý Kiến sai đầy tớ đem trát đến nhà đòi hẩn. Hẩn đến ngay, nhưng lại dẫn theo cả vợ và hai con. Không đợi ông lý nói một câu, hẩn rút một con dao chọc tiết lợn ra, nhắm nhắm cầm ở tay mà bảo rằng: “Chẳng nói giấu gì ông, tôi can án giết người. Nếu ông không thương, mà bắt giải thì vợ con tôi chết

đói. Thôi thì đảng nào chúng nó cũng chết, tôi đâm chúng nó chết ở đây rồi ông bắt đi ở tù luôn thế”.

Mắt hần đỏ ngầu; lưỡi dao hần hoa lên loang loáng, chỉ trông cũng lạnh gáy. Hần có thể giết người được lắm, mà không phải chỉ giết có vợ và con thôi, khi hần đã có gan đâm chết vợ con hần thì hần có kiêng gì đến cái cổ của người khác nữa? Lý Kiến nghĩ ngợi một lúc rồi bảo cứ về rồi ông liệu. Ông liệu nghĩa là ông che đậy cái án của hần cho không ai biết và mỗi lần có trát về nhắc, ông lại khai rằng: vẫn chưa có tên Chúc về. Thế là hần cứ nghiêm nhiên sống ở ngay chính giữa quê hương hần. Và bây giờ người ta thấy vợ hần rất chính chuyên mà lại trung thành, thị chăm chỉ làm để nuôi hần. Những ông trưởng, ông phó tự nhiên nghĩ bụng rằng: người ta có chồng rồi mà còn chàng màng thì phải tội; ai cũng sinh tử tế cả chỉ trừ anh binh, bởi vì Chúc bây giờ lại rất mực là ngang

ngược. Hắn ăn vườn đấy, nhưng chẳng chịu nộp thuế cho ai. Thúc hắn thì hắn chửi, cấm vườn hắn thì hắn chém, sinh chuyện với hắn thì chính lý trưởng làng có lỗi bởi vì cố ý ản lậu hắn là một tên can phạm. Ấy thế mà hắn cũng chưa vừa lòng đâu. Một hôm, không hiểu nghĩ ngợi thế nào, hắn vác dao đến bảo thẳng vào mặt lý Kiến rằng:

– Hồi tôi còn tại ngũ, tôi gởi về nhà có trăm. Không biết vợ tôi có tiêu pha gì, hay là cho trai mà không còn một đồng nào cả. Tôi hỏi thì nó bảo: ở nhà, đàn bà con gái một mình, không dám giữ tiền, được đồng nào mang gửi ông lý cả. Tôi sợ nó bịa ra nên đã trối sẵn nó ở nhà. Bây giờ tôi đến thưa với ông, tính toán xem được bao nhiêu cho đem về nuôi cháu. Thiếu một đồng thì tôi không để yên cho chúng nó.

Lý Kiến hiểu rằng: “chúng nó” đây có thể gồm cả ông. Ông cười nhạt bảo rằng:

– Thế này này anh bình ạ: chị ấy gửi tôi thì quả là không có...

Hắn trợn mắt lên quát:

– Thế thì thằng nào ăn đi?

Lý Kiến vội nói lấp ngay:

– Thế nhưng mà anh có thiếu tiền thì cứ bảo tôi một tiếng. Chị ấy trót tiêu đi rồi thì có giết cũng chẳng ra. Lôi thôi làm gì sinh tội.

Ông mở tráp ra quăng hắn năm đồng bạc. Hắn cầm lấy, «lạy ông» tử tế, rồi xách dao ra về. Từ hôm ấy hắn thành tử tế với lý Kiến, nhận là chỗ đẩy tứ chân tay, nhưng lý Kiến thỉnh thoảng vẫn phải cho hắn tiền. Cho mãi đến năm ngoái đây, hắn chết...

* * *

Thì năm nay lại nảy ra Chí Phèo, một thằng hiền lành như đất – tội nghiệp cho hắn, có lần lý Kiến thấy hắn vừa bóp đùi cho

bà ba, vừa run run! Bỗng nhiên vùng dậy già néo đứt dây. Cụ tiên chỉ làng Vũ Đại nhận ra rằng: đề nén con em đến nỗi nó không chịu được phải bỏ làng đi là dại. Mười thằng đã đi ra thì chín thằng trở về với cái vẻ hung đồ, cái tính ương ngạnh học từ phương xa. Một người khôn ngoan chỉ bóp đến nửa chừng. Hãy ngấm ngấm đẩy người ta xuống sông, nhưng rồi lại dắt nó lên để nó đền ơn. Hãy đập bàn đập ghế đòi cho được năm đồng, nhưng được rồi thì lại vất trả lại năm hào “vì thương anh túng quá”! Và cũng phải tùy mặt nữa: những thằng có máu mặt, vợ đẹp, con đàn, chính là những thằng sợ quan và dễ bóp; trái lại, những thằng tú cổ vô thân, giết chúng nó thì dễ, nhưng được chỉ còn có xương; mà gây với chúng là mở một dịp tốt để cho các phe nghịch xoay lại mình. Làng nào cũng có nhiều cánh, mỗi cánh kết bè đảng chung quanh một người: cánh cụ bá Kiến, cánh ông đội Tảo, cánh ông Tư Đạm, cánh ông Bát Tùng...

Bằng ấy cánh du lại với nhau để bóc lột con em, nhưng ngấm ngấm chia rẽ, nhè từng chỗ hở để mà trị nhau. Cụ lại nhận ra rằng: ở cái đất nhà quê, bọn dân hiền lành chỉ è cổ làm nuôi bọn lý hào, nhưng chính bọn lý hào, nhiều khi lại phải ngậm miệng cung cấp cho những thằng cùng hơn cả dân cùng liêu lĩnh, lúc nào cũng có thể cầm dao đâm người hay đâm mình.

Nhưng cụ không phải là một người ưa than thở. Than thở chẳng ích gì cho ai, cái bọn dân đinh suốt đời bị đèn nén kia sẽ dĩ bị đèn nén suốt đời chỉ vì khi bị đèn nén chúng chỉ biết than thở chứ không biết làm gì khác. Cụ bá Kiến không cần than thở: trị không lợi thì cụ dùng. Cụ nghĩ bụng cũng phải có những thằng đầu bò chứ? Không có những thằng đầu bò thì lấy ai mà trị những thằng đầu bò?

Thế lực của cụ sở dĩ lấn át được các vây cánh khác, một phần lớn cũng bởi cụ biết mềm biết cứng, biết thu phục những thằng

bạt mạng không sợ chết và không sợ đi tù. Những thằng ấy chính là những thằng được việc. Khi cần đến, chỉ cho nó dăm hào uống rượu, là có thể sai nó đến tác hại bất cứ anh nào không nghe mình. Gặp người buống binh, đánh thép thì nó lừa đốt nhà hay cho mấy lát dao; gặp người non mặt, thì nó quăng chai rượu lậu, hay gây sự rồi lăn ra kêu làng. Có chúng nó sinh chuyện thì mới có dịp mà ăn, nếu không thì giữa đám dân hiền lành và yên phận này, khéo lắm chỉ bóp nặn được vào vụ thuế. Thuế một năm có một lần nếu chỉ trông vào đấy thì bán cha đi cũng không đủ để bù vào chỗ ba, bốn nghìn bạc chạy chọt để tranh triện đồng.

Vì thế, đêm hôm ấy, ở nhà lý Kiến ra về, Chí Phèo vô cùng hả hê! Bá Kiến đã không vu vạ gì cho hắn, lại còn giết gà mua rượu cho hắn uống, xong lại dãi thêm đồng bạc để về uống thuốc. Đồng bạc, làm gì đến thế? Hắn loạng choạng vừa đi vừa cười; hắn chẳng cần

đến ba xu. Lúc ngồi tù, hắn có học mót được mấy bài thuốc giấu: chỉ vài nắm lá, là mặt hắn lại đầu vào đấy ngay. Còn đồng bạc lại để đi uống rượu...

Hắn uống được có vừa ba hôm, hôm thứ tư thì hắn trợn mắt lên, bảo con mẹ hàng rượu rằng:

– Hôm nay ông không có tiền; nhà mày bán chịu cho ông một chai. Tối ông mang tiền đến trả.

Mụ hàng rượu hơi ngần ngừ. Thế là hắn rút bao diêm đánh cái xòe, châm lên mái lều của mụ. Mụ hoảng hốt kêu la om xòm vội dập tắt được ngọn lửa vừa mới cháy. Rồi khóc khóc mếu mếu, mụ đưa chai rượu. Hắn hầm hầm, chĩa vào mặt mụ bảo rằng:

– Cái giống nhà mày không ưa nhẹ! Ông mua chứ ông có xin nhà mày đâu! Mày tưởng ông quýt hở? Mày thử hỏi cả làng xem ông có quýt của đứa nào bao giờ không? Ông không

thiếu tiền! Ông còn gửi đảng cụ bá, chiều này ông đi lấy về ông trả.

Mụ vừa kéo vạt áo lên quệt nước mũi, vừa bảo:

– Chúng cháu không dám chắc lép, nhưng quả là ít vốn.

Hắn quát lên:

– Ít vốn chỉ tối nay ông trả. Nhà mày đã chết ngay bây giờ hay sao?

Rồi hắn xách chai ra về. Hắn về cái miếu con ở bờ sông, vì vốn từ trước đến nay không có nhà. Lúc đi đường hắn đã vịn được ở nhà nào đó bốn quả chuối xanh, và bốc của một cô hàng xén một rúm con muối trắng. Bây giờ hắn uống rượu với chuối xanh chấm muối trắng và thấy rằng cũng ngon. Hắn uống rượu với cái gì cũng ngon.

Uống xong hắn chùi miệng, rồi ngật ngà ngật ngưỡng đến nhà bá Kiến. Gặp ai hắn

cũng bảo: hắn đến nhà bá Kiến đòi nợ đây! Mới trông thấy hắn vào đến sân, bá Kiến đã biết hắn đến sinh sự rồi. Cái mắt thì ngầu lên, hai chân thì đi lảo đảo, cái môi bầm lại mà run bần bật. Cũng may, hắn không cầm vỏ chai, bá Kiến cũng đồng dặc hỏi:

– Anh Chí đi đâu đấy?

Hắn chào to:

– Lạy cụ ạ. Bầm cụ... Con đến cửa cụ để kêu cụ một việc ạ...

Giọng hắn lè nhè và tiếng đã gần như méo mó. Nhưng bộ điệu thì lại như hiền lành; hắn vừa gãi đầu gãi tai, vừa lải nhải:

– Bầm cụ từ ngày cụ bắt đi ở tù, con lại sinh ra thích đi ở tù, bầm có thể, con có nói gian thì giới tru đất diệt, bầm quả đi ở tù sướng quá! Đi ở tù còn cơm để mà ăn, bây giờ về làng về nước, một thước cấm dùi không có, chả làm gì nên ăn. Bầm cụ, con lại đến kêu cụ, cụ lại cho con đi ở tù...

Cụ bá quát, bắt đầu bao giờ cũng quát để thử dây thần kinh của người.

– Anh này lại say khướt rồi.

Hắn xông lại gần, đảo ngược mắt giờ tay lên nửa chừng:

– Bẩm không ạ, bẩm thật là không say. Con đến xin cụ cho con đi ở tù mà nếu không được thì... thì... thưa cụ...

Hắn móc đủ mọi túi, để tìm một cái gì, hắn giơ ra: đó là một con dao nhỏ, nhưng rất sắc. Hắn nghiêng rằng nói tiếp:

– Vâng, bẩm cụ không được thì con phải đâm chết dăm ba thằng, rồi cụ bắt con giải huyện.

Rồi hắn cúi xuống, tần mần gọt cạnh cái bàn lim. Cụ bá cười khanh khách – cụ vẫn tự phụ hơn đời cái cười Tào Tháo ấy – cụ đứng lên vỗ vai hắn mà bảo rằng:

– Anh bừa lắm. Nhưng này, anh Chí ạ, anh muốn đâm người cũng không khó gì. Đội Tảo nó còn nợ tôi năm mươi đồng đấy, anh chịu khó đến đòi cho tôi, đòi được tự nhiên có vườn.

Đội Tảo là một tay vai vế trong làng. Vây cánh ông ta mạnh, vẫn kình nhau với cánh nhà cụ bá mà cụ bá thường phải chịu bởi hăn là cựu binh, lương hưu trí nhiều, quen thuộc nhiều, lại ăn nói giỏi. Hăn vay cụ bá năm mươi đồng đã từ lâu, bây giờ đột nhiên trở mặt vô tuột, lấy cớ rằng số tiền ấy tính vào món tiền chè lý Cường ra làm lý trưởng chưa tạ hăn. Cụ bá tức như chọc họng, nhưng chưa biết làm thế nào, bởi vì thằng binh Chúc, đẩy tở chân tay của cụ, khả dĩ đương đầu với hăn được, chết năm ngoái rồi. Bây giờ cụ mới lại gặp được Chí Phèo, có thể thay cho binh Chúc. Cụ thử nói khích xem sao. Nếu nó trị được đội Tảo thì tốt lắm. Nếu nó bị đội Tảo trị thì cụ cũng chẳng thiệt gì, đảng nào cũng có lợi cho cụ cả.

Chí Phèo nhận đi ngay! Hắn tức khắc đến nhà đội Tảo, và cất tiếng chửi ngay từ đầu ngõ. Giá gặp phải hôm khác, thì có án mạng rồi: đội Tảo cũng có thể đâm chém được, chưa bao giờ chịu hàng trước cuộc giao tranh. Nhưng phúc đời cho hắn, hay là cho Chí Phèo, hôm ấy hắn ốm liệt giường, không sao nhấc mình dậy được, có lẽ hắn cũng không biết Chí Phèo chửi hắn. Vợ hắn, thấy Chí Phèo thở ra mùi rượu, và biết rõ đầu đuôi món nợ, lấy năm mươi đồng giấu chồng đưa cho người nhà đi theo Chí Phèo. Đàn bà vốn chuộng hòa bình; họ muốn yên chuyện thì thôi, gai ngạnh làm gì cho sinh sự. Vả lại, bà đội cũng nghĩ rằng chồng mình đang ốm... chồng mình có nợ người ta hắn hỏi... Và năm chục đồng bạc đối với nhà mình là mấy, lôi thôi lại chả tốn đến ba lần năm chục đồng!

Vì thế, Chí Phèo mới được vênh vênh ra về: hắn thấy hắn oai thêm bậc nữa. Hắn tự đắc: «anh hùng làng này cóc có thằng nào

bằng ta!» Cụ bá thấy mình thắng bên địch mà không cần đến hội đồng làm biên bản xem chừng thích chí. Cụ đưa luôn cho anh đây tờ chân tay mới luôn năm đồng.

– Anh Chí ạ, cả năm chục đồng này phần anh, nhưng nếu anh lấy cả thì chỉ ba hôm là tan hết. Vậy anh cầm lấy chỗ này uống rượu còn để tôi bán cho anh mảnh vườn; không có vườn đất thì làm ăn gì?

Chí Phèo «vâng dạ» ra về. Mấy hôm sau, cụ bá bảo lý Cường cho hẩn năm sào vườn ở bãi sông cấm thuế của một người làng hôm nọ. Chí Phèo bỗng thành ra có nhà. Hồi ấy hẩn mới đâu hăm bảy hay hăm tám tuổi...

Bây giờ thì hẩn đã thành người không tuổi rồi. Ba mươi tám hay ba mươi chín? Bốn mươi hay là ngoài bốn mươi? Cái mặt hẩn không trẻ cũng không già: nó không còn phải là mặt người: nó là mặt của một con vật lạ, nhìn mặt những con vật có bao giờ biết tuổi? Cái mặt hẩn vàng vàng mà lại muốn xạm màu

gio; nó vắn dọc vắn ngang, không thứ tự, biết bao nhiêu là vết sẹo. Vết những mảnh chai của bao nhiêu lần ăn vạ kêu làng, bao nhiêu lần, hấn nhớ làm sao nổi? Bao nhiêu việc ức hiếp, phá phách, đâm chém, mưu hại người ta giao cho hấn làm! Những việc ấy chính là cuộc đời của hấn; cuộc đời mà hấn cũng chả biết đã dài bao nhiêu năm rồi.

Bởi vì ngay đến cái thẻ có biên tuổi hấn cũng không có, trong sổ làng người ta vẫn khai hấn vào hạng dân lưu tán, lâu năm không về làng. Hấn nhớ mang máng rằng có lần hấn hai mươi tuổi, rồi hấn đi ở tù, rồi hình như hấn hăm năm không biết có đúng không? Bởi từ đấy thì đối với hấn không còn ngày tháng nữa. Bởi vì từ đấy hấn bao giờ cũng say. Nhưng cơn say của hấn tràn cơn này qua cơn khác, thành một cơn dài, mệnh mông, hấn ăn trong lúc say, thức dậy vẫn còn say, đập đầu rạch mặt chửi bới, dọa nạt trong lúc say, uống rượu trong lúc say, để rồi say nữa, say vô tận.

Chưa bao giờ hẩn tỉnh và có lẽ hẩn chưa bao giờ tỉnh táo, để nhớ rằng có hẩn ở đời. Có lẽ hẩn cũng không biết rằng hẩn là con quỷ dữ của làng Vũ Đại, để tác quái cho bao nhiêu dân làng. Hẩn biết đâu hẩn đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đập đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện. Hẩn biết đâu vì hẩn làm tất cả những việc ấy trong khi người hẩn say; hẩn say thì hẩn làm bất cứ cái gì người ta sai hẩn làm. Tất cả dân làng đều sợ hẩn và tránh mặt hẩn mỗi lần hẩn qua.

Vì thế cho nên hẩn chửi hay là chẳng vì cái gì hẩn cũng chửi, cứ rượu xong là hẩn chửi. Hẩn chửi như những người say rượu hát. Giá hẩn biết hát thì có lẽ hẩn không cần chửi. Khổ cho hẩn và cho người hẩn lại không biết hát. Thì hẩn chửi, cũng như chiều nay hẩn chửi...

Hắn chửi giời và hắn chửi đời. Hắn chửi cả làng Vũ Đại. Hắn chửi tất cả những đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng mặc, ai mà hoài hời, tức mình hắn chửi đứa nào đẻ ra chính hắn, lại càng không ai cần! Và hắn lấy thế làm ức lắm; bởi vì người ta không thể chửi nhau một mình; chửi nhau một mình thì còn văn vẻ gì!

Thế là chắc chắn đã có một cơ để tức tối, một cơ rất chính đáng để hắn có thể hùng hổ đi báo thù. Phải, hắn phải báo thù, báo thù vào bất cứ ai. Hắn phải vào nhà nào mới được, bất cứ nhà nào. Hắn sẽ rẽ vào bất cứ ngõ nào hắn gặp để đập phá đốt nhà hay lặn ra kêu làng nước. Phải đấy, hắn sẽ rẽ vào bất cứ ngõ nào hắn gặp... Á, đây kia rồi, mau mau...

Nhưng mà mặt giếng lên, mặt giếng rằm vành vành. Và ánh giếng chảy trên đường trắng tinh. Ô, cái gì đây, đen và méo mó trên đường giếng nhể nhại? Nó xệch xạc về bên trái, thu gọn vào rồi lại dài loang ra, xé rách

vài chỗ. Nó cứ quẩn quýt dưới chân Chí Phèo. Chí Phèo đứng lại và nhìn nó và hắt bống nghiêng ngả cười. Hắt cười ngất nghẻo, cười rữ rươi. Giá hắt cứ chửi lại còn dễ nghe! Cái vật xệch xạc trên đường là bóng hắt. Thế là hắt cười, và hắt quên báo thù: hắt đi qua ngõ đầu tiên rồi.

Bây giờ thì đến ngõ nhà tú Lãng, một anh thầy cúng có một bộ râu lơ phờ. Chí phèo bống nảy ra một ý: tạt vào đây và đập cái bàn chầu của lão tú nửa mùa này ra. Bởi vì lão tú này vừa làm thầy cúng lại vừa làm nghề hoạn lợn. Cái đàn của lão lừng phùng, nghe còn chối tai hơn là lợn kêu. Nhưng lúc vào thì lão tú lại đang uống rượu; lão uống rượu ngay ở sân, vừa uống vừa vuốt râu, vừa rung rung cái đầu. Chí Phèo đứng lại nhìn, thấy lão cũng hay hay. Rồi đột nhiên hắt khát, giới ời sao mà khát! Khát đến như cháy họng... Không do dự, hắt lại bên lão tú, nhắc lấy chai rượu ngựa cổ dốc vào mồm tu. Lão tú đuổi

cái cổ gà vặt lông ra, trở mắt lên, nhưng không nói gì. Lưỡi lão riu lại rồi, còn nói làm sao được? Lão đã uống hết hai phần chai. Còn một phần thì Chí Phèo tu nốt. Hắn tu có một hơi, rồi khà một cái, chép cái miệng như còn thèm. Rồi hắn nắm lấy mấy cái râu lơ phờ của lão tự, nâng soi lên giăng mà cười. Lão tự cũng cười. Hai thằng say rượu ngả vào nhau mà cười, như một đôi tri kỷ cuồng.

Rồi tự Lãng vào nhà xách hai chai rượu nữa; lão còn đúng hai chai nữa, lão mời Chí Phèo uống nữa, uống thật say, không cần gì. Cứ việc uống, đừng có lo ngại gì đấy! Vợ lão chết đến bảy tám năm nay rồi, con gái lão chữa hoang bỏ lão đi, lão chỉ có một mình, không còn vợ con nào mè nheo cả, lão muốn uống đến bao giờ thì uống. Cứ uống! Cứ uống, cứ uống đi ông bạn lạc đường ở cung giăng xuống ă! Uống thật tợn, uống đến đái ra rượu thì mới thích. Nhịn uống để làm gì? Có giàu có sang, có làm nên ông cả bà lớn nữa, chết cũng không ai gọi là «cụ lớn mà»!

Lão sống có đến hơn năm mươi rồi mà chưa thấy một cụ lớn mả nào sống sót! Chỉ có cái mả, cái mả đất. Ai chết cũng thành cái mả, say sưa chết cũng thành cái mả, lo gì? Cứ say!

Chưa bao giờ Chí Phèo được thỏa thê đến thế! Hắn lấy làm lạ sao mãi đến hôm nay mới ngồi uống rượu với thằng cha tự này. Chúng uống với nhau rất là nhiều. Và rất là nhiều. Người ta tưởng như cả làng Vũ Đại phải nhịn uống để đủ rượu cho chúng uống.

Đến lúc hết cả hai chai thì tự Lãng đã bò ra sân. Lão bò như cua và hỏi Chí Phèo rằng: người ta đứng lên bằng cái gì? Chí Phèo vẫn ngửa lão ra, vuốt cái râu lơ phờ của lão mấy cái, rồi để mặc lão thế, hắn lão đảo ra về. Hắn vừa đi vừa phanh ngực ra mà gãi. Hắn gãi ngực rồi gãi cổ, gãi mang tai và gãi lên cả đầu. Có lúc hắn phải đứng lại giữa đường mà gãi, ghêch chân lên mà gãi, hắn bứt rứt quá, ngứa ngáy quá, và chợt nghĩ đến cái bờ sông gần nhà.

Bởi vì cái vườn của hấn ở gần một con sông con, nước lặng và trong, khắp bãi trồng toàn dâu, gió đưa đẩy những thân mềm oặt eo, cuộn theo nhau thành làn. Duy có vườn nhà hấn trồng toàn chuối, ở một góc vườn có túp lều con. Những đêm giăng như đêm nay, cái vườn phẳng ngổn ngang những bóng chuối đen đen như những cái áo nhuộm vắt tung trên bãi. Và những tàu chuối nằm ngửa, uốn cong cong lên hứng lấy giăng xanh rời rọi như là ướt nước, thỉnh thoảng bị gió lay lại giãy lên đành đạch như là hứng tình.

Chí Phèo vừa tò mò nhìn những tàu chuối vừa đi xuống vườn. Nhưng hấn không vào cái túp lều úp xúp mà ra thẳng bờ sông. Hấn định sẽ nhảy xuống tắm cho khỏi ngứa rồi lăn ngay ra vườn mà ngủ. Tội gì chui vào lều, bức đến không còn mà thở được. Một thằng như hấn, đập đầu không chết, huống hồ là gió sương... Đến bờ sông hấn dừng lại, vì hình như có người. Có người thật, và hấn ngáy ra nhìn.

Hắn nhìn giữa hai lọ nước và tựa lưng vào gốc chuối, một người đàn bà ngồi tênh hênh. Chính là người đàn bà, hắn biết vậy là nhờ mái tóc dài buông xõa xuống vai trần và ngực... Hai tay trần của mẹ buông xuôi, cái mồm mẹ há hốc lên giăng mà ngủ hay là chết. Đôi chân thì duỗi thẳng ra trước mặt, cái váy đen xộc xệch... Bên kia, có lẽ vì mẹ giẫy cái yếm xẹo xọ để trật ra cái sườn nây nây. Tất cả những cái ấy phơi ra giăng, rười rượi những giăng làm trắng những cái đó có lẽ ban ngày không trắng; giăng làm đẹp lên. Chí Phèo tự nhiên thấy ứ đầy miệng bao nhiêu là nước dãi, mà cổ thì lại khô, hắn nuốt ừng ực, hắn thấy cái gì rộn rạo ran khắp người. Bỗng nhiên hắn run run. Ô tại sao lại như thế được? Đáng nhẽ chính người đàn bà khốn nạn kia phải run mới phải, cái người đàn bà đại dột đã nằm ềnh ệch mà ngủ ngay gần nhà hắn này.

Nhưng người đàn bà ấy là thị Nở, một

người ngắn ngơ như những người đàn trong cổ tích và xấu ma chê quỷ hờn. Cái mặt của thị thực là một sự mỉa mai của hóa công: nó ngắn đến nỗi người ta có thể tưởng bề ngang lớn hơn bề dài, thế mà hai má nó lại hóp vào mới thật là tai hại, nếu má nó phình phính thì mặt thị lại còn được hao hao như mặt lợn, là thứ mặt vốn nhiều hơn người ta tưởng, trên cổ người. Cái mũi thì vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ, vừa sần sùi như vỏ cam sành, bành bạnh muốn chen lẫn nhau với những cái môi cũng cổ to cho không thua cái mũi: có lẽ vì cổ quá cho nên chúng nứt nở như rạn ra. Đã thế thị lại ăn trầu thuốc, hai môi dày được bồi cho dày thêm một lần, cũng may quét trầu sánh lại, che được cái màu thịt trầu xám ngoách. Đã thế những cái răng rất to lại chìa ra: ý hẳn chúng nghĩ sự cân đối chưa được một vài phần cho sự xấu. Đã thế thị lại dờ hơi, đó là một ân huệ đặc biệt của Thượng đế chí công: nếu sáng suốt thì người đàn bà ấy sẽ khổ sở ngay từ khi mua cái gương thứ nhứt.

Và thị lại nghèo nếu trái lại, ít nhất đã có một đàn ông khổ sở. Và thị lại là dòng giống của một nhà có mả hủi: cái này khiến không một chàng trai nào phải phân vân. Người ta tránh thị như tránh con vật nào rất tởm.

Ngoài ba mươi tuổi, thị vẫn chưa có chồng. Ở cái làng Vũ Đại này người ta kết bạn từ khi lên tám, và có khi có con từ lúc mười lăm; không ai đợi đến năm hai mươi để đưa con thứ nhất. Cứ nhìn tình hình ấy thì ta nói quách: thị Nở không có chồng. Mà thị cũng không còn ai thân thích, trừ một người cô đã có thể gọi được là già, và đã không chồng như thị. Số giờ định thế, để không ai phải tro trọi trên đời này. Người cô làm thuê cho người đàn bà buôn chuối và trâu không xếp tàu đi Hải Phòng, có khi đi tận Hòn Gai, Cẩm Phả. Còn thị sống bằng những nghề lật vật ở làng. Hai cô cháu ở trong một cái nhà tre cách vườn của Chí Phèo bởi một con đê; hẳn ở ngoài bãi, hai người ở trong xóm.

Có lẽ chính vì thế mà thị Nở không sợ cái thằng mà cả làng sợ hấn. Gần gũi lâu cũng sinh quen, mà quen thì ít khi còn sợ. Những người trông coi vườn bách thú thường bảo rằng hổ báo hiền y như mèo. Vả lại có lý nào để thị sợ hấn đâu? Người ta không ai sợ kẻ khác phạm đến cái xấu, cái nghèo, cái ngẩn ngơ của mình, mà thị lại chỉ có ba cái ấy... Một phần nữa cũng bởi Chí Phèo ít khi ở nhà, mà hấn ở nhà lại hiền lành, ai có thể ác trong khi ngủ? Hấn chỉ về nhà để ngủ.

Ngày nào thị Nở cũng phải qua vườn nhà hấn hai ba lần, là vì qua vườn nhà hấn có một lối đi nhỏ ra sông; trước kia, cả xóm vẫn dùng cái ngõ ấy để ra sông tắm, giặt hay kín nước. Nhưng từ khi hấn đến người ta thôi dần, tìm một lối khác đi xa hơn. Trừ thị Nở, thì đã bảo thị là người dở hơi, thị không thích làm như kẻ khác. Quá tin ở người, quá tin ở mình liều lĩnh, bướng bỉnh hay có lẽ chỉ không chịu rời thói quen. Nhưng hãy biết thị cứ đi ngõ ấy

và vẫn chẳng làm sao cả. Thế rồi quen đi. Có lần trong lúc Chí Phèo ngủ, thị lại vào cả nhà hắt để rọi nhờ lửa nũa, có lần thị xin của hắt một ít rượu về để bóp chân; hắt mãi ngủ càu nhàu bảo thị rằng: ở xó nhà ấy, muốn rót bao nhiêu thì rót, để yên cho hắt ngủ. Và lắm lúc thị ngạc nhiên: sao người ta ghê hắt thế?

Chiều hôm ấy thị Nở cũng ra sông kín nước như mọi chiều. Nhưng chiều hôm ấy, giếng lại sáng hơn mọi chiều, giếng tỏa trên sông và sông gợn biết bao nhiêu gợn vàng. Những vàng ấy rung rinh mới trông thì đẹp, nhưng trông lâu mỗi mắt. Gió lại mát như quạt hắt, thị Nở thấy muốn ngáp mà mí mắt thì nặng dần, toan díp lại. Thị vốn có một cái tật không sao chữa được, có lúc đột nhiên muốn ngủ, bất cứ ở đâu hay đang làm gì. Bà cô thị bảo thị là một người vô tâm. Ngáp một cái, thị nghĩ bụng: hãy khoan kín nước, hãy để lọ xuống ngồi nghỉ đây. Bởi vì thị đã luật quạt đập đất từ trưa tới giờ. Mà mấy khi được một nơi mát thế, mát rợn da rợn thịt, sung

sướng quá! Mát y như quạt hầu. Thị cởi áo ra ngồi tựa vào gốc chuối, đáng ngồi không kín đáo, nhưng không bao giờ thị biết thế nào là lả lơi. Con người vô tâm, không hay nghĩ xa xôi mà. Vả lại ở đây chẳng có ai. Chí Phèo đã về đâu, mà hắn có về thì cũng say khướt đã ngủ từ nửa đường và tới nhà tức khắc chúi đầu vào ngủ nốt. Hắn ra làm gì đây, cho có ra nữa thì đã sao? Thị không thể sợ hắn có thể phạm đến thị bởi lẽ rất giản dị là thị chưa thấy ai phạm đến thị bao giờ. Thật ra thì thị cũng chẳng nghĩ ngợi nhiều đến thế. Trong óc thị đã có một bóng đen lan rồi. Thị không ngồi thì không chịu được.

Ngồi một lúc, thị thấy rằng: nếu cứ ngồi mãi thì ngủ mất. Nhưng thị đã ngủ đến hai phần rồi. Và thị nghĩ: thì ngủ, ngủ thì đã làm sao! Về nhà thì cũng chỉ ngủ, ngủ ngay đây cũng vậy. Bà cô đi theo hàng ít ra cũng dăm hôm mới về. Thị cứ ngồi đây cho mát. Và thị ngủ. Thị ngủ ngon lành và say sưa...

Chí Phèo vẫn say say nhìn và run run. Bỗng nhiên hắn rón rén lại gần thị Nở: lần đầu tiên hắn rón rén, từ khi về làng. Thoạt tiên, hắn hãy xách cái lọ để xa xa, rồi hắn lảng lảng ngồi xuống bên sườn thị....

Và thị Nở giật mình. Thị Nở mới kịp giật mình thì thằng đàn ông đã bám víu lấy thị.... Thị vùng vẫy đẩy ra, thị mở mắt, thị tỉnh hẳn, thị nhận ra Chí Phèo. Thị vừa thở, vừa vật nhau với hắn vừa hỗn hển: “Ô hay... Buông ra... Tôi kêu... Tôi kêu làng... Buông ra. Tôi kêu làng lên bây giờ!” Thằng đàn ông lại phì cười. Sao thị lại kêu làng nhỉ? Hắn vẫn tưởng chỉ có hắn mới kêu làng thôi, người ta lại kêu tranh của hắn, bỗng nhiên hắn la lên, kêu làng. Hắn kêu như một kẻ bị đâm vừa kêu vừa dẫn người đàn bà xuống. Thị Nở trố hai mắt ngây ra nhìn. Thị Nở kinh ngạc: sao hắn lại kêu làng nhỉ? Mà hắn vẫn chưa chịu thôi kêu làng. Cũng may người quanh đây không có ai lạ gì tiếng hắn, mà khi hắn kêu làng thì

không ai cần động dạng, họ lặn bấu chửi rồi lại ngủ, hắc kê làng cũng như người khác buồn, hát ngao. Đáp lại hắc chỉ có lũ chó cắn xao lên trong xóm.

Thị Nở bỗng nhiên bật cười. Thị Nở vừa rửa vừa đập tay lên lưng hắc. Nhưng cái đó là cái đập yêu, bởi vì đập xong, cái tay ấy lại giúi lưng hắc xuống.... Và chúng cười với nhau...

Bây giờ thì chúng ngủ bên nhau... đứa bé bú no thì ngủ. Người ta ngủ say sau khi làm việc yêu. Chúng ngủ như chưa bao giờ được ngủ... Giăng vẫn thức vẫn trong trẻo... Giăng rắc bụi trên sông, và sông gọi biết bao nhiêu vàng...

Nhưng gần đến sáng, bỗng nhiên Chí Phèo chống một tay xuống đất, ngồi lên một nửa. Hắc thấy nôn nao, chân tay bủn rủn, như đến ba ngày nhịn đói. Thế mà bụng lại phình phính đây, hình như bụng hơi đau. Còn hình như gì nữa, thôi đúng đau bụng rồi. Đau thật,

đau mỗi lúc một dữ! Nó cứ cuộn cuộn lên. À mà giờ lành lạnh. Hễ có gió thì kinh kinh. Mỗi lần gió, hắt rươn rướn người. Hắt muốn đứng lên. Sao đầu nặng quá mà chân thì bầy rầy. Mắt hắt hoa lên. Bụng quặn lại, đau gò người. Hắt ọe. Hắt ọe ba bốn cái. Ọe mãi. Giá mưa ra được thì dễ chịu. Hắt cho một ngón tay vào móc họng. Hắt ọe ra một cái to hơn, ruột hình như lộn lên. Nhưng cũng chỉ nhổ ra toàn nước dãi. Hắt nghỉ một tí rồi lại cho tay vào mồm. Lần này thì mưa được. Giờ ơi! Mưa thốc, mưa tháo, mưa ông ộc, mưa đến cả ruột, đến nổi người đàn bà phải dậy. Thị ngồi nhòm dậy và ngo ngác nhìn. Cái óc nặng nề ấy phải lâu mới nhớ ra và lâu mới hiểu.

Bây giờ thì Chí Phèo đã mưa xong. Hắt mệt quá, lại vật người ra đất. Hắt chờ hai mắt ra khê rên; hắt chỉ còn đủ sức để rên khe khê. Từ đồng mưa bay lại một mùi gì thoảng như mùi rượu, hắt bỗng nhiên rùng mình.

Thị Nở lại đặt một tay lên ngực hăn (thị suy nghĩ đến bây giờ mới xong). Thị hỏi hăn:

– Vừa thổ hả?

Mắt hăn đảo lên nhìn thị, nhìn một loáng rồi lại dờ ra ngay.

– Đi vào nhà nhé?

Hăn làm như gạt đầu. Nhưng cái đầu không động đậy, chỉ có cái mí mắt là nhích thôi.

– Thì đứng lên.

Nhưng hăn đứng lên sao được. Thị quàng tay vào nách hăn, đỡ cho hăn gượng ngồi. Rồi thị kéo hăn đứng lên. Hăn đu vào cổ thị, hai người lão đảo rồi đi về lều.

Không có giường, chỉ có một cái chõng tre. Thị để hăn nằm lên và đi nhặt nhanh tất cả những manh chiếu rách đắp lên cho hăn. Hăn hết rên. Hình như hăn ngủ. Thị cũng lim

dim chực ngủ. Nhưng trong nhà nhiều muỗi quá. Muỗi nhắc cho thị cái áo quên ngoài vườn. Thị ra vườn. Đôi lọ nhắc cho thị việc đi kín nước, thị mãi một mặc áo, kín nước, rồi xách đôi lọ nước đi về nhà.

Giăng chưa lặn, không chừng giời còn khuya. Thị lên giường định ngủ. Nhưng lại nhớ việc lạ lòng tối qua. Thị cười. Thị thấy không buồn ngủ, và thị cứ lăn ra lăn vào.

Khi Chí Phèo mở mắt thì giời đã sáng lâu. Mặt giời đã cao, và nắng bên ngoài chắc là rục rỡ. Cứ nghe chim ríu rít bên ngoài đủ biết. Nhưng trong cái lều ẩm thấp vẫn chỉ hơi tờ mờ. Ở đây người ta thấy chiếu lúc xế trưa và gặp đêm thì bên ngoài vẫn sáng. Chưa bao giờ Chí Phèo nhận thấy thế bởi chưa bao giờ hết say.

Nhưng bây giờ thì hẳn tỉnh. Hẳn bàng khuâng như tỉnh dậy, hẳn thấy miệng hẳn đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn,

chân tay không buồn nhấc, hay là đói rượu, hần hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tí. Hần sợ rượu cũng như người ốm thường sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hần mới nghe thấy... Chao ôi là buồn!

- Vải hôm nay bán mấy?
- Kém ba xu dì ạ!
- Thế thì còn ăn thua gì!
- Cổ kéo co mới được một tấm năm xu.
- Thật thế đấy. Nhưng chẳng lẽ rằng lại chơi...

Chí Phèo đoán chắc rằng một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về. Hần nao nao buồn, là vì mẩu chuyện ấy nhắc cho hần một cái gì rất xa xôi.

Hình như có một thời hần đã ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn cấy thuê, vợ dệt vải, chúng bỏ lại một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm.

Tỉnh dậy hần thấy già mà còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lý nào như thế được? Hần đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hần đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hần, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đầy dọ cực nhọc mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều; nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết giờ giời rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông trước thấy tuổi già của hần, đói rét ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau.

Cũng may thị Nở vào. Nếu thị không vào, cứ để hần vẫn vợ suy nghĩ mãi, thì đến khóc

được mất. Thị vào cắp một cái rổ, trong có một nồi gì đầy vung. Đó là một nồi cháo hành còn nóng nguyên. Là vì lúc còn đêm, thị trần trọc một lát, thị bỗng nhiên nghĩ rằng: cái thằng liêu lĩnh ấy kể ra thì đáng thương, còn gì đáng thương bằng đau ốm mà nằm còng queo một mình. Giá thử đêm qua không có thị thì hẳn chết. Thị kêu ngạo vì đã cứu sống một người. Thị thấy như yêu hẳn: đó là một cái lòng yêu của một người làm ơn. Nhưng cũng có cả lòng yêu của một người chịu ơn.

Một người như thị Nở càng không quên được. Cho nên thị nghĩ: mình bỏ hẳn lúc này thì cũng bạc. Dầu sao cũng đã ăn nằm với nhau! Ăn nằm với nhau như “vợ chồng”. Tiếng “vợ chồng”, thấy ngưỡng ngưỡng mà thình thích. Đó vẫn là điều mong muốn âm thầm của con người khốn nạn ấy chẳng! Hay sự khoái lạc của xác thịt đã làm nổi dậy những tính tình mà thị chưa bao giờ biết?

Chỉ biết rằng thị muốn gặp Chí Phèo,

gặp hăn mà nhắc lại chuyện đêm qua thì chắc buồn cười lắm. Gớm! Sao lại có thứ người đầu mà lì quá thế! Người ta ngồi đấy mà dám xán lẩn ngay vào, nó chả ngang ngược mà người ta kêu bé, nó lại làm to hơn. Mà kể thì cũng ngu ngơ. Cái thằng giời đánh không chết ấy, nó còn sợ ai mà hòng kêu. Nhưng mà đáng kiếp. Thổ trận ấy thật là phải biết. Cứ gọi hôm nay nhọc đừ. Phải cho hăn ăn tí gì mới được. Đang ốm thế thì chỉ ăn cháo hành. Ra được mồ hôi thì là nhẹ nhõm người ngay đó mà... Thế là vừa sáng thì đã chạy đi tìm gạo. Hành thì nhà thị may lại còn. Thị nấu, bỏ vào cái rổ, mang ra cho Chí Phèo.

Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hăn thấy mắt mình ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hăn được một người đàn bà cho. Xưa nay, nào hăn có thấy ai tự nhiên cho cái gì. Hăn vẫn phải dọa nạt hay là giật cướp. Hăn phải làm gì cho người ta sợ. Hăn nhìn bát cháo bốc khói mà bâng khuâng. Thị

Nở thì chỉ nhìn trộm hăn, rồi lại toe toét cười. Trông thị thế mà có duyên. Tình yêu làm cho có duyên. Hăn thấy vừa vui vừa buồn. Và một cái gì nữa, giống như ăn năn. Cũng có thể như thế lắm. Người ta hay hối hận về tội ác khi không đủ sức mà ác nữa.

Thị Nở giục hăn ăn nóng. Hăn cầm lấy bát cháo đưa lên mồm. Giời ơi cháo mới thơm làm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hăn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo ăn rất ngon. Nhưng tại sao lại mãi đến bây giờ hăn mới nếm vị mùi cháo? Hăn tự hỏi rồi lại tự trả lời: vì có ai nấu cháo cho ăn đâu? Mà còn ai nấu cho mà ăn nữa! Đời hăn chưa bao giờ được săn sóc bởi một tay “đàn bà”. Hăn nhớ đến “bà ta”, cái con quỷ cái hay bắt hăn bóp chân mà lại bóp lên trên, trên nữa, nó chỉ nghĩ đến sao cho thỏa nó chứ có yêu hăn đâu. Hồi ấy hăn hai mươi. Hai mươi tuổi, người ta không là

đá, nhưng cũng không toàn là xác thịt. Người ta không thích cái gì người ta khinh. Vả lại bị một con đàn bà gọi đến nhà mà bóp chân! Hắn thấy nhục hơn là thích, huống hồ lại sợ. Quả thật, từ khi biết rằng con vợ chủ sai hắn làm một việc không chính đáng, hắn vừa làm vừa run. Không làm thì không được: mọi việc trong nhà, quyền đàn bà. Chứ hắn, hắn có lòng nào đâu. Đến nỗi người đàn bà phát cáu. Bà thấy xa xôi không được, phải làm đến nơi. Bà bảo hắn rằng: “Mày thực thà quá! Con trai gì hai mươi tuổi mà đã như ông già”. Hắn vẫn giả vờ không hiểu. Bà lẳng lơ bảo: “Chả nhẽ tao gọi mày vào chỉ để bóp chân thế này thôi ư?...” và thấy hắn giùng giàng bà mắng xơi xơi vào mặt. Hắn chỉ thấy nhục, chứ yêu đương gì. Không, hắn chưa được một người đàn bà nào yêu cả. Vì thế mà bát cháo hành của thị Nở làm hắn suy nghĩ nhiều. Hắn có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây kẻ thù?

Bát cháo húp xong rồi, thị Nở đỡ lấy bát

cháo và múc thêm bát nữa. Hấn thấy mình đắm bao nhiêu mồ hôi. Mồ hôi chảy ra trên đầu, trên mặt, những giọt to như giọt nước. Hấn đưa tay áo quạt ngang một cái, quạt mũi, cười rồi lại ăn. Hấn càng ăn, mồ hôi lại càng nhiều. Thị Nở nhìn hấn, lắc đầu thương hại. Hấn thấy lòng thành trẻ con. Hấn muốn làm nũng với thị như với mẹ. Ôi sao mà hấn hiền, ai dám bảo đó là thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người? Đó là cái bản tính của hấn, ngày thường bị lấp đi. Hay trợn ốm thay đổi hấn về sinh lý, cũng thay đổi cả tâm lý nữa. Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác, phải là kẻ mạnh. Hấn đâu còn mạnh nữa. Và có lúc hấn ngẫm mình mà lo. Xưa nay hấn chỉ sống bằng giật cướp và dọa nạt. Nếu không còn sức mà giật cướp, dọa nạt nữa thì sao? Đã đành, hấn chỉ mạnh vì liều. Nhưng hấn mơ hồ thấy rằng sẽ có một lúc mà người ta không thể liều được nữa. Bấy giờ mới nguy! Giờ ơi! Hấn thèm lương thiện, hấn muốn làm hòa với mọi người biết

bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hắn. Thị có thể sống yên ổn với hắn thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện... Hắn băn khoăn nhìn thị Nở, như thăm dò. Thị vẫn im lặng, cười tin cẩn, hắn thấy tự nhiên nhẹ người. Hắn bảo thị:

– Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?

Thị không đáp, nhưng cái mũi đỏ của thị như càng bạnh ra. Hắn thấy thế cũng không có gì là xấu. Bằng một cái giọng nói và một vẻ mặt rất phong tình theo ý hắn, hắn bảo thị:

– Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui.

Thị lườm hắn. Một người thật xấu khi yêu cũng lườm. Hắn thích chí khanh khách cười. Lúc tỉnh táo, hắn cười nghe thật hiền. Thị Nở lấy làm bằng lòng lắm. Bấy giờ thì mấy bát cháo ý chừng đã nguội. Hắn thấy lòng rất

vui. Hắn bẹo thị Nở một cái làm thị giẫy nảy người lên. Và hắn cười, hắn lại bảo:

– Đẳng ấy còn nhớ gì hôm qua không?

Thị phát khẽ hắn một cái, làm cái vẻ không ưa đùa. Sao mà e lệ thế. Xấu mà e lệ thì cũng đáng yêu. Hắn cười ngất, và muốn làm thị thẹn thùng hơn nữa, hắn véo thị một cái thật đau vào đùi. Lần này thì không những thị nảy người. Thị kêu lên choe choé. Thị nắm cổ hắn mà giúi xuống. Chúng tỏ tình với nhau, không cần đến những cái hôn. Ai lại hôn, khi có những cái môi nức nẻ như bờ ruộng vào kỳ đại hạn và cái mặt rạch ngang dọc như mặt thớt. Và lại, có những cách âu yếm bình dân hơn, chúng cấu véo hoặc phát nhau... thiết thực biết mấy...

Chúng sẽ làm thành một cặp rất xứng đôi. Chúng cũng nhận thấy thế, và nhất định lấy nhau. Như thế năm ngày chẵn, thị ở nhà hắn cả ngày lẫn đêm, trừ những lúc đi kiếm tiền.

Hắn không còn kinh rượu nhưng cố uống cho thật ít. Để cho khỏi tốn tiền, nhưng nhất là để tỉnh táo mà yêu nhau. Đàn bà không có men như rượu, nhưng cũng làm người say. Và hắn say thị lắm. Nhưng thị lại là người dở hơi. Đến hôm thứ sáu, thì thị bỗng nhớ rằng thị có một người cô ở đời. Người cô ấy nội ngày nay sẽ về. Thị nghĩ bụng: hãy đừng yêu, để hỏi cô thị đã.

Thấy thị hỏi, bà già kia bật cười. Bà tưởng cháu bà nói đùa. Nhưng chợt nhớ ra rằng cháu bà vốn dở hơi. Bà bỗng trở nên hoảng hốt. Bà nhục cho ông cha nhà bà. Cũng có lẽ bà tủi thân bà. Bà nghĩ đến cái đời dài dằng dặc của bà, không có chồng. Bà thấy chua xót lắm. Bà uất ức, uất ức với ai không biết. Nhưng rồi đổ cái uất ức ngay lên cháu bà! Người đàn bà đức hạnh thấy cháu bà sao mà dĩ thế! Thật đốn mạt. Ngoài ba mươi tuổi mà chưa trót đời. Ngoài ba mươi tuổi... ai lại còn đi lấy chồng. Ai đời lại còn đi lấy chồng! Ủ!

Mà có lấy thì lấy ai chứ?... Đàn ông đã chết hết cả rồi hay sao, mà lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha. Ai lại đi lấy thằng chỉ có một nghề là rạch mặt ra ăn vạ. Giời ơi! Nhục nhĩ ời là nhục nhĩ! Hỡi ông cha nhà bà! Bà gào lên như con mẹ đại. Bà xỉa xói vào mặt cái con cháu gái ba mươi tuổi mà chưa trót đời. Bà bảo phất nó:

– Đã nhịn được đến bằng này tuổi thì nhịn hẳn, ai lại đi lấy thằng Chí Phèo!

Thị nghe thấy thế mà lộn ruột. Nhưng thị biết cãi bà làm sao. Con người ấy có quyền nói thế, bởi con người ấy năm mươi tuổi rồi còn ai lấy chồng. Thị biết cãi làm sao. Mà không cãi được thì giận dữ nổi lên đùng đùng. Thị tức lắm! Thị tức lắm! Thị cần đổ cái tức ấy lên một người. Thị lon ton chạy sang nhà nhân ngãi. Thị thấy hấn đương uống rượu, và vừa uống vừa lầm bầm chửi thị về nhà lâu. Hấn không quen đợi; bởi phải đợi, hấn lại lòi rượu và uống cho đỡ buồn. Uống vào thì phải

chửi, quen mồm rồi! Nhưng chửi thị? Ô, thị điên lên mất! Thị giẫm chân xuống đất, rồi lại nhảy cẫng lên như thượng đồng. Hấn thú vị quá, lắc lư cái đầu cười. Lại còn cười! Nó nhạo thị, giời ơi! Thị điên lên mất. Giời ơi là giời! Thị chống hai tay vào háng, vênh vênh cái mặt, và đón cái môi vĩ đại lên, trút vào mặt hấn tất cả lời bà cô. Hấn nghĩ ngợi một tí rồi hình như hiểu. Hấn bỗng nhiên ngẩn người. Thoáng một cái, hấn lại như hít hít thấy nổi cháo hành. Hấn cứ ngồi ngẩn mặt, không nói gì.

Thị trút xong giận rồi. Cái mũi đỏ của thị dị xuống rồi lại bạnh ra. Thị hả hê lắm. Thị ngoay ngoáy cái mông dít ra về. Hấn sừng sốt, đứng lên gọi lại. Ai mà thèm lại! Còn muốn lời thôi gì? Hấn đuổi theo thị nắm lấy tay. Thị gạt ra, lại giúi thêm cho một cái. Hấn lăn khèo xuống sân. Đã lăn ra thì hấn phải kêu: bao giờ chả thế. Hấn nhặt một hòn gạch vỡ, toan đập đầu. Nhưng hình như hấn chưa

thật say. Vì hấn nghĩ đập đầu ở đây chỉ thiệt: đập đầu ở đây để mà nằm ăn vạ ai? Hấn tự phải đến cái nhà con đi Nở kia. Đến để đâm chết cả nhà nó, đâm chết cái con khộm già nhà nó. Nếu không đâm được, lúc ấy hãy đập đầu kêu làng. Muốn đập đầu, phải uống thật say. Không có rượu, lấy gì làm cho máu nó chảy? Phải uống thêm chai nữa. Và hấn uống. Nhưng tức quá, càng uống càng tỉnh ra. Tỉnh ra, chao ơi buồn! Hơi rượu không sặc sụa. Hấn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành. Hấn ôm mặt khóc rưng rức. Rồi lại uống. Hấn ra đi với một con dao ở thắt lưng. Hấn lảm nhảm: “Tao phải đâm chết nó!” Nhưng hấn lại cứ thẳng đường mà đi. Cái gì đã làm hấn quên rẽ vào nhà thị Nở? Những thằng điên và những thằng say rượu không bao giờ làm những cái mà lúc đi chúng định làm.

Giời nắng lắm, nên đường vắng. Hấn cứ đi, cứ chửi và dọa giết “nó”, và cứ đi. Bây giờ đến ngõ nhà cụ Bá. Hấn xông xông đi vào. Cả

nhà đi làm đồng vắng, chỉ có mình cụ Bá đang nằm nghỉ trưa? Nghe hẳn, cụ thấy bức mình quá! Chính thật thì cụ đã đang bức mình. Bởi cụ thấy đầu hơi nhức. Cụ đang muốn có một bàn tay man mát xoa cái đầu. Cũng có lẽ, cụ chỉ muốn bà Tư đừng đi lâu quá thế, không biết rằng đi đâu? Sao bà ấy còn trẻ quá! Gần bốn mươi rồi mà trông còn phây phây. Còn phây phây quá đi nữa! Cụ năm nay đã ngoài sáu mươi. Già yếu quá, nghĩ mà chua xót. Già thế thì bà ấy chỉ cũng già cho xong. Bà ấy lại cứ trẻ, cứ phây phây, cứ đẹp như mới ngoài hai mươi tuổi, mà sao đa tình. Nhìn thì thích nhưng mà từng tức lạ. Khác gì nhai miếng thịt bò lứt xứt khi rụng gần hết răng. Mắt bà, miệng bà có duyên, nhưng trông dĩ lắm. Hơi một tí là cười toe toét, tí cả mắt lại, cái má thì hây hây. Mà thấy ghét những thằng trai trẻ, giá làm con bà không đáng, mà thấy đâu cũng đùa. Chúng đùa nhạt như nước ốc, chỉ được cái thô tục, mà gặp ai đâu cũng cười! Chẳng nghĩ đến địa vị cả, người đâu mà vô

tâm! Túc lạ! Cụ chỉ muốn cho tất cả những thằng trai trẻ đi ở tù... Những lúc như thế, thì một người dẫu khôn ngoan cũng không bình tĩnh được. Nhất là khi trông thấy một thằng chỉ đến vò tiền uống rượu như Chí Phèo. Tuy vậy, cụ cũng móc sẵn năm hào. Thà móc sẵn để tổng nó đi cho chóng. Nhưng móc rồi, cụ cũng phải quát một câu cho nhẹ người:

– Chí Phèo đấy hở? Lè bè vừa chứ tôi không phải là cái kho.

Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hẩn:

– Cầm lấy mà cắt đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?

Hẩn trợn mắt chỉ tay vào mặt cụ:

– Tao không đến đây xin năm hào.

Thấy hẩn toan làm dữ cụ đành dịu giọng:

– Thôi cầm lấy vậy, tôi không còn hơn.

Hắn vênh cái mặt lên, rất kiêu ngạo:

– Tao đã bảo không đòi tiền.

– Giỏi! Hôm nay mới thấy anh không đòi tiền. Thế anh cần gì?

Hắn đồng dục:

– Tao muốn làm người lương thiện!

Bá Kiến cười ha hả:

– Ô tưởng gì! Tôi chỉ cần anh lương thiện cho thiên hạ nhờ.

Hắn lắc đầu:

– Không được! Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa. Biết không! Chỉ có một cách... biết không! Chỉ có một cách là... cái này biết không!

Hắn rút dao ra, xông vào. Bá Kiến ngồi

nhóm dậy, Chí Phèo đã văng dao tới rồi. Bá Kiến chỉ kịp kêu một tiếng. Chí Phèo vừa chém túi bụi vừa kêu làng thật to. Hắn kêu làng, không bao giờ người ta vội đến. Bởi thế khi người ta đến thì hắn cũng đang giãy đành đập ở giữa bao nhiêu là máu tươi. Mất hần trọn ngược. Mồm hắn ngáp ngáp, muốn nói nhưng không ra tiếng. Ở cổ hắn, thỉnh thoảng máu vẫn còn ứa ra.

Cả làng Vũ Đại nhao lên. Họ bàn tán rất nhiều về vụ án không ngờ ấy. Có nhiều kẻ mừng thầm, không thiếu kẻ mừng ra mặt! Có người nói xa xôi: “Giời có mắt đấy, anh em ạ!” Người khác thì nói toạc: “Thằng nào chứ hai thằng ấy chết thì không ai tiếc! Rõ thật bọn chúng nó giết nhau, nào có cần phải đến tay người khác đâu”.

Mừng nhất là bọn kỳ hào ở trong làng. Họ tuôn đến để hỏi thăm, nhưng chính là để nhìn lý Cường bằng những con mắt thỏa mãn và khiêu khích. Đội Tảo, không cần kín đáo,

nói toang toang ngay ngoài chợ, trước mặt bao người: “Thằng bố chết, thằng con lớp này không khỏi người ta cho ăn bùn”. Ai chả hiểu “người ta” đó là chính ông. Bọn đàn em thì bàn nhỏ: “Thằng mọt già ấy chết, anh mình nên ăn mừng”. Những người biết điều thì hay ngờ vực, họ chép miệng nói: “Tre già măng mọc, thằng ấy chết, còn thằng khác, chúng mình cũng chẳng lợi gì đâu...”

Bà cô thị Nở chỉ vào tận mặt cháu mà day nghiêng:

– Phúc đời nhà mày, con nhé! Chả ôm lấy ông Chí Phèo.

Thị cười và nói lảng:

– Hôm qua làm biên bản, lý Cường nghe đầu đã tổn gần một trăm. Thiệt người lại thiệt của.

Nhưng thị lại nghĩ thầm:

– Sao có lúc nó hiền như đất.

Và nhớ lại những lúc ăn nằm với hấn, thị nhìn trộm bà cô rồi nhìn nhanh xuống bụng:

– Nói đại, nếu mình chữa, bây giờ hấn chết rồi, thì làm ăn thế nào?

Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người lại qua...

Février 1941

Nam Cao

2. NGUYỄN VỌNG

Trận mưa lúc nãy tuy đổ xuống ào ào nhưng chẳng bao lâu đã tạnh. Mây tản hết. Mặt trời lại nhô ra. Ánh nắng nhuộm tươi những chòm lá me non rợn. Hơi nước bốc lên như khói. Đường loang lổ, chỗ ướt chỗ khô. Sài Gòn lúc ấy giống như một cô bé ngây thơ, vừa khóc chưa ráo lệ đã lại cười tươi tắn. Tôi vội vàng mặc áo ra đi.

Như thế đã quen rồi. Cái ngày mà tôi đặt bước đến Sài Gòn là ngày chấm hết cho cuộc đời “cấm cung” của tôi hồi còn là một học sinh tỉnh nhỏ. Bây giờ tôi không thể ngồi nhà luôn hàng buổi được. Những vẻ lộng lẫy kiêu sa của “hòn ngọc Viễn Đông”, cũng như những

cảnh lâm than của nó, đối với tôi, có một sức quyến rũ lạ lùng. Đôi chân tôi lúc nào cũng muốn đi. Tôi cứ phải luôn luôn ở ngoài, trà trộn với đám đông, chen chúc, xô đẩy, mãi mốt, vội vàng của Sài Gòn hoạt động.

Giữa đám người không ai biết ai, không ai để ý đến ai, tôi tò mò nhận xét từng dáng điệu, từng cử chỉ, từng vẻ mặt, từng cái nhìn của những khách qua đường không quen. Tất cả những cái ấy “nói” với tôi nhiều lắm. Có khi chúng hé cho tôi thấy một cuộc đời tan nát, một kiếp sống âm thầm, một linh hồn mệt nhọc, một cái nguyên vọng bị đè nặng dưới những trở lực không bao giờ vượt nổi...

Đến đầu đường Bonard¹, tôi gặp chị Thanh từ chợ mới Bến Thành đi lại. Sự ngạc nhiên của tôi lộ ra ngoài mặt. Đã từ lâu, tôi nghe nói anh ấy đã xin được một chỗ làm ở Nam Vang. Tôi cứ tưởng chị đã theo chồng đến đấy từ bao giờ rồi. Tôi hỏi. Chị đáp lại với

1 nay là đường Lê Lợi

một cái lắc đầu chán nản:

– Ông ấy xin thôi rồi!

Tôi mỉm một nụ cười thương hại và hơi chế nhạo. Anh Tá, chồng chị Thanh, tôi không được biết cho rõ lắm. Lần nào đến chơi, tôi cũng chỉ gặp một người ít nói, nghe chuyện người ta bằng đôi tai lơ đãng và đáp lại bằng những nụ cười rất mơ hồ, vẻ mặt trầm ngâm, và đôi mắt, đáng nhẽ rất tinh nhanh, lại luôn luôn lơ đãng như nhìn những cái gì ở đâu xa, xa tắp. Đó là một cái linh hồn đi vắng. Tôi không có cơ gì để ghét, nhưng mà không thân.

Còn chị Thanh thì đã nhiều dịp than phiền về anh nhiều lắm. Chị trách chồng vợ vẩn, viễn vông, không thiết làm ăn đúng đắn. Và quả chị không hiểu anh, khi anh cúi kính bảo chị rằng:

– Mình làm gì hiểu tôi!

Thú thật, vì thương chị, tôi đã hơn một

lần thấy Tá là một người đáng khinh. Người chồng ấy quá ích kỷ, quá hèn nhát, không biết phấn đấu để giành giật lấy miếng ăn cho gia đình. Không thế thì sao một chỗ làm hơn bảy chục đồng một tháng, tự nhiên bỏ để trở về với cái nghề dạy học tư chỉ độ ba chục đồng?

– Sao anh ấy buồn cười thế! Xin thôi để làm gì?

Chị Thanh chép miệng:

– Nào ai biết! Đang ngồi sù sù ở nhà ấy, bây giờ cậu có rảnh thì đến chơi.

Tại sao tôi lại có ý muốn gặp con người ngờ ngẩn ấy? Gần như vô tình, tôi rẽ vào đường Colonel Grimaud². Nhà Tá ở là cái căn nhà lụp xụp số 123 này.

Anh đang chúí đầu vào sách nên tôi bước vào mà anh không biết. Phải đợi tôi chào anh mới ngẩng đầu lên, nhìn một lúc, và thông thả chào:

2 nay là đường Phạm Ngũ Lão

– À, cậu Định.

Rồi anh chỉ một cái ghế để bên bàn học, bảo:

– Mời cậu ngồi chơi đây. Vẫn như thường đấy chứ?

Tôi mỉm cười: hiếm họa lắm, mới được nghe anh dùng một câu xã giao như vậy. Xưa nay, anh vẫn chỉ nói khi nào muốn nói. Tôi nhắc quyển sách anh đang đọc. Đây là một cuốn sách dạy về giáo khoa. Tôi hỏi:

– Anh yêu nghề dạy học lắm?

Mắt anh sáng hẳn lên. Cái mặt ngờ ngờ đột nhiên thành nhanh nhẹn:

– Thì đã hẳn. Mà chẳng riêng gì tôi, những kẻ còn nghĩ đến giống nòi đều nghĩ đến việc đào tạo óc. Vì chỉ có sự học thôi, chỉ có sự học là cải tạo được con người. Xã hội Việt Nam muốn tiến, quốc dân Việt Nam phải học. Yêu nước, lo đến tương lai của giống nòi, không

gì bằng học, khuyến khích việc học, khuếch trương việc học, truyền bá sự học. Gieo hạt giống tốt vào óc thiếu niên để đợi lớp người sau, ai yêu nước một cách sáng suốt đều nghĩ như tôi cả...

Tôi không tránh được một nụ cười ngơ vực. Anh Tá, hình như nhận thấy, hăng hái tiếp:

– Tôi nghiên ngẫm đã lâu rồi, và bây giờ tôi đã quyết: tôi quyết sẽ mở một trường tư thật lớn...

Cái trường tư ấy nằm ở trong đầu anh đã từ lâu. Anh đã tìm được cả chỗ làm trường; anh đã vẽ kiểu trường; anh đã nghĩ cách quảng cáo; anh đã thảo một cái chương trình to tát chưa trường nào ở Đông Dương theo nổi. Anh sẽ trả lương giáo sư rất hậu, đặt quỹ hưu bổng để các ông có thể yên lòng về vật chất mà tận tụy với nghề. Anh sẽ tổ chức các lớp theo những phương pháp tối tân. Anh sẽ

cấp học bổng cho những thiếu niên lanh lợi đi ngoại quốc để nghiên cứu thêm về khoa sử phạm...

Anh nói luôn mồm, hăng hái, trợn tru, hùng hồn như diễn thuyết, lật cho tôi xem nào bản đồ, nào kiểu nhà, nào mẫu bảng quảng cáo, nào mẫu giấy viết thư... đủ thứ. Tôi tưởng như đó là việc của ngày mai, hay của tháng sau, và anh đã sẵn có từng chồng bạc trắng xóa xếp hàng trong tủ sắt.

Bổng cánh cửa kịch, mở ra. Một cái đầu đàn bà đen đũi ló vào, nhìn soi mói:

– Cô có nhà không, thầy hai?

Bị quấy rối, anh Tá của tôi hơi gắt:

– Cô đi vắng.

Cái mặt đen, khoằm lại:

– Người chi mà kỳ cục! Có một đồng bạc gạo ba tuần chưa trả!

Con chim đang bay bổng trên mây, bỗng rơi bệt ngay xuống đất. Anh Tá bẽn lễn ra ngoài mặt. Anh không nói nữa, cầm bút vờ chữa lại vài chữ trên bài diễn thuyết để đọc hôm khánh thành trường. Tội rầu rầu để một nỗi chán nản không đâu lôi cuốn tâm hồn. Bỗng tôi hỏi Tá:

– Anh có biết em Tịnh không?

– Sao vậy?

– Tịnh là em tôi, chết đã được đến sáu, bảy năm rồi. Hồi ấy chị có về đưa đám.

Tá không khỏi hơi ngạc nhiên về cách tôi xoay câu chuyện. Nhưng có lẽ thấy ở đấy một cách để thôi ngượng nghịu, anh hỏi:

– Chết vì bệnh gì thế?

– Bệnh tê bại. Nó mới mười hai tuổi. Không hiểu sao nó bỗng gầy sút người đi, lâu dần chỉ còn xương với da, đứng lên không vững. Tính trẻ con đang ưa chạy nhảy, bỗng bị

nằm xó nhà suốt ngày ấy sang ngày khác, nó bút rứt khóc lóc luôn. Tôi thương hại thường nói chuyện với nó cho nó khuây đi đôi chút. Nó rất thích đá bóng: tôi bèn đem chuyện đội banh của chúng tôi kể cho nó nghe...

– Đến Chủ nhật này, hội chúng mình đá với hội Mãnh Sư đấy Tịnh ạ.

Tịnh kêu lên:

– Thế à? Cứ gọi là cho chúng nó «cát dô»³. Để Tịnh đứng «a-la-de»⁴ cho; Tịnh mà đứng «a-la-de» thì phải biết!

Và Tịnh đứng vùng lên. Nhưng hai ống chân gầy đét không đỡ nổi, khiến Tịnh bị vật nằm xoài xuống. Thế là Tịnh nức nở khóc mãi, không sao dỗ cho lặng nữa.

Tá cười chua chát. Tôi rút khăn lau nước mắt. Tôi đã thương đứa em khốn nạn, hay đau buồn cho số kiếp Tá, cho số kiếp tôi, số

3 tiếng Pháp: quatre à zéro: nghĩa là 4 – 0

4 tiếng Pháp: arrière: đứng làm hậu vệ

kiếp của tất cả những người có những chân
ống sậy mà lại mang những nguyện vọng to
tát quá?

3. HAI KHỐI ÓC

Tuy mới sáu giờ sáng mà mặt trời đã cao, rọi xuống những tia rất chói. Nhưng nhờ có gió biển, cái nắng ấy không gay gắt, khó chịu; nó điểm cho cảnh thêm tươi; nó là ánh đèn pha làm nổi bức phong trong rạp hát.

Bọn dân chài ở ngoài khơi về khiêng từng bó sào lên bãi cát. Họ cắm những hàng cọc bắt chéo nhau thành mạng để gác sào lên, căng lưới ra phơi hay mạng lại. Trông người nào cũng lực lưỡng, mặt rắn rỏi, già cỗi dưới cái khăn nâu chít mỏ riều, cổ gân guốc, cái áo nâu bạc phếch phanh ra trên cái ngực nở

nang, bắp thịt tay nổi lên từng cục, và da bóng loáng như đồng điệu. Hùng vừa hỏi chuyện về cách sinh sống của họ xong, và bây giờ nhìn họ thản nhiên làm việc; Hùng thấy chua cay trong lòng. Nghĩ đến những lúc họ liêu thân với sóng gió ở ngoài khơi, những lúc nhọc nhằn cực khổ chỉ để kiếm mỗi ngày mấy bữa cơm gạo xấu, nghĩ đến cái dã tâm của bọn chủ nước mắm dìm giá để mua rẻ, đến nỗi họ luật quật quanh năm suốt tháng mà không được manh áo lành để che thân. Hùng thấy lòng hậm hực như chính mình phải chịu những sự bất công vô lý ấy.

Một chuỗi cười trong trẻo như chế nhạo sự cau có hiện ra mặt chàng. Bây giờ chàng mới sức tỉnh, nhớ đến Tuyết đang ngồi lúi húi trên bãi cát. Chàng quay lại:

– Gì thế Tuyết?

– Tóm được rồi.

– Tóm được cái gì?

– Tóm được anh dã tràng; gớm, nó bò nhanh quá!

Rồi Tuyết chạy lại trước mặt Hùng, mấy ngón tay trắng muốt nhóm con vật nhỏ xíu, nũng nịu bắt Hùng cầm hộ. Dáng điệu ngây thơ của nàng làm những ý nghĩ nặng trĩu trong óc chàng trút nhẹ đi. Chàng đưa tay phủi nhẹ mấy hạt cát bám trên gò má trắng hồng của Tuyết; Tuyết sung sướng, ngược đôi mắt trong trẻo nhìn chàng âu yếm, hai làn môi thắm mím cười một cách lả lơi:

– Cảm ơn Hùng nhé.

Hai mặt gần sát nhau. Một cái hôn gần chạm trên trán Tuyết thì Hùng bỗng dừng ngay lại. Chàng trông vội về bọn người chài lưới, rồi lại vội trông đi, mặt bên lên như bắt gặp làm một điều đáng trách. Chàng cho là đáng trách, khi phô bày cái sung sướng hỗn

xuộc của mình ra trước mắt bọn người lao khổ ấy. Luống cuống, chàng nắm tay Tuyết kéo bừa đi, mồm giục:

– Mau lại đằng kia, Tuyết.

Tuyết tưởng chàng cả thẹn, mỉm cười, bước theo. Đi một quãng, hai người đứng lại tò mò nhìn một bà già, quần áo rách bươm, mặt răn reo buồn như mếu, ngồi lê trên bãi cát, lảng lạng bới tìm những mảnh vỏ sò, hến cho vào một cái rổ kéo lê theo. Hùng búi ngùi trước cái đời đã gần tàn mà vẫn còn tiết ra đau khổ ấy. Chàng thở dài nghĩ đến một người đàn bà già yếu, ở rất xa, trong một làng nhỏ nghèo nàn ngoài Bắc, đang chết dần trong đau buồn và túng quẫn. Và chàng ngồi xuống, vừa nói chuyện vừa nhặt vỏ hến giúp bà già, trong khi Tuyết lơ đãng trông ra xa tắp, nơi chân gò xanh ngắt kẻ một đường rất nhỏ, rất thẳng, trên mặt bể cũng xanh, nhưng lợt hơn một chút... Bỗng nàng lấy tay khê đập vào đầu Hùng một cái, hỏi:

– Người ta làm gì kia anh nhỉ?

Hùng ngừng đầu lên. Tuyết chỉ cho chàng một móm cát nhô ra mãi ngoài xa, có một người đàn ông đứng trên một chiếc thuyền con, đang vừa cầm cúi làm gì không biết, vừa nói chuyện với một người đàn bà ngồi sát ngay mặt nước. Không đợi Hùng trả lời, Tuyết vùng chạy lại chỗ ấy, mon men bước ra, rồi ngoảnh lại vừa cười vừa vẫy. Hùng chào bà già, đứng lên, uể oải theo...

– Gì thế, Tuyết?

– Mau lên anh, đi ra cái cù lao.

Hùng nhanh nhẹn nhảy luôn ba, bốn bước, và chạy lại, ôm choàng lấy Tuyết, cười khanh khách. Những làn sóng thi nhau chạy vào bờ, và réo ào ào, đột nhiên chuyển vào Hùng một nỗi vui bỗng bật. Người đàn ông, bây giờ chàng mới biết là đang giữ lưới, còn người đàn bà thì giặt rổ. Nhưng Hùng không

nhìn họ nữa. Chàng nắm chặt tay Tuyết, hai người đứng sát nhau, để nhìn mặt bể đang sôi sùng sục, Hùng luôn luôn mỉm cười, và thỉnh thoảng nắm mạnh cánh tay người yêu một cái. Tuyết sung sướng, lim dim mắt, nũng nịu ngả đầu vào vai chàng; mấy món tóc nàng bị gió thổi, mơn lên má chàng như những cái vuốt ve.

Một con cá, bị sóng ném lên bờ, làm hai người tỉnh mộng. Tuyết mừng rú lên, nhảy lại vồ; nhưng con cá, nẩy lên vài cái, và lại tìm được nước. Hùng mỉm cười, bảo:

– Thôi, đi vào thôi, Tuyết.

Nhưng chàng bỗng kêu theo:

– Nguy rồi! Không có lối vào, Tuyết ạ.

Nước triều lên đã rút vào ngập lối ra lúc nãy. Mỏm cát bây giờ quả nhiên là một cái cù lao, chung quanh là nước. Hai người tần

ngân chưa biết làm sao. Một người trẻ tuổi, có lẽ là dân chài lưới, vén quần lên quá gối, lồm bồm lội vào. Tuyệt gọi giật người ấy lại:

– Này anh.

Anh ta trố mắt nhìn và đợi. Tuyệt bảo Hùng:

– Em bảo nó cõng chúng ta vào bờ nhé?

Hùng sầm mặt, ấp úng:

– Không... không... anh không muốn...

Tuyệt nhìn chàng như dò xét, rồi mỉm cười tinh quái:

– Sao thế, anh?

Hùng nhún vai, không đáp, Tuyệt cười khanh khách, và nói ngọt một câu bằng tiếng Pháp:

– Em hiểu: anh ghen với hần.

Hùng kêu lên một tiếng và đỏ mặt. Thật ra, chàng có ghen đâu? Chàng chỉ khó chịu vì cái tính đả các của Tuyết, quen dùng tiền mà sai khiến. Cái ý ấy chiếm cả khối óc chàng, khiến chàng không nghĩ đến ghen với anh chàng trai trẻ kia, sẽ được ôm trên lưng cái thân thể gọn ghẽ, nõn nường của Tuyết. Nhưng bây giờ, vì Tuyết gọi ra, quả thực chàng thấy hơi ghen thật, và cúi đầu, đứng lặng. Tuyết lại càng cười to:

– Anh ghen, hở? Vậy thì mời anh tháo giấy ra.

Rồi nàng nhanh nhẹn tháo giấy. Hùng làm theo. Tuyết vén gọn áo, xốc quần lên, bước chân trần xuống nước. Nàng quay lại, vừa cười vừa bảo Hùng:

– Anh có ghen với sóng không?

Hùng ngượng ngịu; nàng lại giễu thêm:

– Giời ơi! Sóng nó vuốt ve chân em đây này!

Hùng đưa mắt nhìn chân Tuyết: một cái bắp chân thon thon, tròn trĩnh, trơn nhẵn và trắng mát, loang loáng nước, vẻ mặt khó chịu của chàng tươi ngay lại. Và cũng cười theo Tuyết, chàng vén quần, chạy xô lại, ôm lấy nàng. Hai người lão đảo, nước bắn tóe lên, Tuyết cười sảng sặc. Rồi cứ ôm lấy nhau như thế, họ lồm bồm đi vào bờ.

Hai người ngồi lên một cái thuyền gỗ nhỏ ghệch trên bãi cát để phơi chân. Hùng mơn man vuốt bắp chân Tuyết, mịn và trơn nuột. Tuyết không ngăn cản, tựa vào chàng.

Bỗng Hùng giật mình, đẩy Tuyết ra. Tuyết ngạc nhiên:

– Gì thế, anh?

Hùng khẽ lăm bắm:

– Em ngồi xích ra một chút, người kia nhìn chúng ta.

Tuyết bật cười, lặn vào lòng chàng:

– Giời ơi! Anh bẽn lễn hơn con gái. Anh cần gì để ý đến thằng mọi ngậy ngô ấy.

Hùng cau mặt, hàm răng trên cắn môi dưới, rầu rầu. Bỗng chàng khẽ thở dài. Tuyết tưởng chàng giận, vừa vuốt ve, vừa hỏi:

– Anh làm sao thế?

Hùng trả lời, tiếng nhỏ, rời rạc và buồn:

– Anh tiếc lắm; chúng ta yêu nhau quá mà không thể ăn đời, ở đời được với nhau.

Tuyết sửng sốt:

– Tại sao vậy, vì chúng ta yêu nhau kia mà.

– Chúng ta yêu nhau lắm, nhưng chúng ta không cùng giai cấp với nhau: em giàu sang quá, giàu sang từ trong trứng giàu ra; còn anh, nghèo khổ ngay từ khi còn trong bụng mẹ.

Tuyệt diệu dàng hơn:

– Anh đừng lo gì hết cả. Me em yêu em lắm, chắc không bao giờ me em nỡ chia rẽ chúng ta.

Hùng lảng lảng một lúc như để cố nén sự cảm động rồi nói:

– Cái nó chia rẽ chúng ta không phải là me em, mà là sự trái ngược giữa hai khối óc, đào tạo trong hai hoàn cảnh cách nhau xa. Chúng ta yêu nhau lắm, nhưng mà chúng ta không hiểu được nhau, mà chúng ta không

hợp tính nhau. Như thế, không thể nào sống chung với nhau sung sướng được.

Tuyệt giấu mặt vào lòng Hùng, nức nở.

4. MA ĐUÑA

Hai đứa trẻ, lê la trong vườn, vừa làm cỏ vừa nói chuyện. Hai đứa cùng gầy còm, cùng đen đũi, tóc mới nuôi chẳng sửa chăm, quần áo rách vá nhiều chỗ và bẩn thỉu. Nhưng nhìn kỹ, cả hai cùng rất có thể xinh xắn được: chỉ cần thêm cơm và sạch sẽ.

Trinh, mười bốn tuổi. Hai mắt tròn, đen và dịu dưới hai nét lông mày thiên nhiên nhỏ tắp, cong và dài, như tía và vẽ lại; miệng nó nhỏ, múm mím, trông như hơi thụt vào bên cạnh cái cằm nhô ra và đôi má tròn; trán nó đậm dấp bồ hôi, cái cười của nó rất lạnh, giọng nói chậm và cung bậc đều đều; nó hiền, hiền đến hơi ngờ nghệch.

Trạch kém chị hai tuổi, nhưng có vẻ tinh hơn. Người nhỏ nhưng có thịt lẳn, da nhẵn, mỏng mặt dầu đen, đôi mắt nhanh nhẹn đáng nể sắc sảo, tiếc thay! Bệnh đau mắt hột làm cho những mí co hẹp lại và lòng đen, lòng trắng lơ lơ ra nhiều rồi. Nó nói cười đều có chút mỉa mai: một đôi khi, người ta ngạc nhiên vì những sự nhận xét của nó, rất ngộ nghĩnh mà rất đúng.

Trạch ở chơi nhà dì ngoài bốn tháng nay, mới về quê chưa đầy tuần. Hai chị em, lâu ngày xa cách bây giờ gần gũi, thấy yêu nhau tha thiết lắm. Làm hay chơi chúng quăn quýt nhau suốt ngày. Trinh đã nghe chuyện tỉnh thành rồi. Bây giờ đến lượt nó kể chuyện ở nhà cho Trạch. Có gì đáng nói? Phải đòn phải chửi lắm cũng quen đi, không còn phải là những cái Trinh cho là quan trọng; rước xách thì lâu nay chẳng có; Trinh hấp tấp đến ngay cái chuyện từ trước đến nay chưa từng thấy: bà chúng suýt bị ma đìm xuống ao. Quả

nhiên, Trạch ngừng ngay chép⁵ lại: nó mở to đôi mắt, «hừ» một tiếng, như là không tin. Trinh đắc chí, nhe răng cười:

– Thật đấy. Không tin cứ hỏi bà mà xem!

Đêm hôm ấy không có giăng, nhưng giờ cũng không tối lắm. Thức giấc, bà chứng nó ra ngoài đi tiểu. Đêm nào bà cũng phải dậy đi một lần. Hôm ấy, đi xong bà thấy mắt hoa lên và người hơi bủn rủn. Không khéo bà lại cảm! Bà vội quay vào nhà. Giờ tối thêm hay mắt bà mờ? Cái hè nhà đâu, bà chẳng còn trông rõ nữa. Nhưng mà có cần gì phải trông; mọi lần đều thế, có lần giờ đen như mực, bà cứ nhắm mắt lại cũng không nhầm đường; cái việc ấy thuộc quá rồi, bà có thể làm như một cái máy. Nhưng chết nỗi! Bà đi mãi mà chưa thấy đầu hè đâu. Bà đưa tay quơ ra trước mặt. Ô hay! Cái gì tròn, nhẵn... à này cái mấu, thôi đây là bụi tre. Bà giật mình đến thót một cái; chân trước bà thụt ngay xuống bùn. Hồng

5 Chép: đồ dùng bằng sắt, lưỡi mỏng, nhỏ, dùng để giấy cỏ

mất! Đây là vườn trước, bà đã đến tận bờ ao nhà bà phó Sâm. Sao thế nhỉ? Bà nhớ rõ ràng bà có quay người lại, mà sao không trở vào lại đi ra thế này! Bà muốn lộn lại, nhưng lúng túng, cứ một bước lại gặp tre, lại thụt một chân xuống nước. Không dám đi nữa, bà ôm chặt lấy một cây tre, mở to mắt ra, cố nhìn. Ở đằng xa, chín mười người cầm đuốc thấp thoáng trên bờ nước; có người cúi xuống; tay họ cặp rá, có lẽ họ đi xóc gạo...

Quái! Nhà bà phó Sâm có công việc gì mà đi xóc gạo sớm thế, mà lại nhiều người thế? Chó bốn bên đổ xô vào, xao lên. Chết thật! Ở nhà bà, chúng nó ngủ sao mà mệt thế! Giá trộm nó vào nó dỡ nhà đi cũng không biết gì. Bà cất tiếng gọi Trinh. Nó ngủ say. Bà gọi Kính: không thừa nổi! Bà gọi Đạt. Rồi bà gọi Khiết. Gọi lâu lắm, lần lượt gọi tên cả nhà. Chó xung quanh rú cả lên. Ở nhà vẫn không ai nghe thấy. Ngủ gì mà như chết vậy? Hàng xóm nghe thấy cả; có người ở rất xa cũng

nghe thấy có tiếng người gọi rất lâu; họ thức dậy lắng tai nghe; tiếng gì mà lạ quá, lúc run run, lúc ú ớ, có lúc tru lên như tiếng hú, nghe mà rợn!

Anh Luân, nhà gần đấy, thấy khang khác, chạy ra nghe ngóng, và khi đã chắc chắn người ta gọi nhà bà lý, liền gọi hộ. Anh mới gọi hai ba tiếng, trong nhà đã thưa. Trinh và Khiết đốt đèn, chạy ra. Chúng thấy bà đang đứng tận dưới vệ ao nhà ông chánh hội. Đây là cái ao ở đằng sau nhà, đâu có phải ao nhà bà phó Sâm. Mà cũng chẳng có ai vác đóm đi xóc gạo; cả nhà ông chánh hội thấy động chạy ra; họ bảo họ vẫn nằm nghe ngóng, chứ có đóm đèn gì đâu? Bà bị ma đưa rồi. Nó định dìm kia đấy, nhưng số bà chưa chết. Hú vía! Kể cũng còn là may!...

Trạch mỗi lúc một thêm kinh ngạc; nó lo lắng bảo chị:

– Thế ra vườn nhà ta cũng có ma, chị nhỉ?

Trình làm ra vẻ thành thạo:

– Chỗ nào mà chẳng có ma! Ngày xưa nó cũng đã chực dìm bà chánh hội, chỉ một ly nữa là chết đấy.

– Thế hở, chị?

– Ủ. Mà cũng chỉ vừa chập tối đấy thôi. Bà ấy cặp rá gạo và xách cái nôi ra ao. Xóc gạo, rửa nôi xong rồi, bà đặt cái rá gạo trên miệng nôi, định rửa tay một cái rồi về. Tự nhiên cái nôi quay long lóc, cứ vừa quay vừa xa ra. Bà đưa tay với. Nó buột đi mất. Sợ hãi, bà vội vàng xắn quần lội xuống đuổi theo. Nó xa hơn. Bà đuổi mãi. Nó cứ cách tay bà độ một gang, nhưng bà không sao với kịp. Nó cứ quay tít mãi, mà ra đã đến gần giữa ao. Nước đã lên đến cổ, bà chánh vẫn còn đuổi mãi. May lúc ấy người nhà ra trông thấy. Người ta nhảy bổ xuống, phải ba người mới kéo được bà lên: bà mê man, cứ nhất định đòi ra vớt nôi. Chậm một phút nữa là bà chết.

Trạch lè lưỡi ra, mắt sợ hãi, lắc lắc cái đầu:

– Ghê quá nhỉ? Nghĩ mà lại lo.

– Việc chó gì mà lo! Số mình chưa chết thì bố nó cũng không làm gì nổi. Có điều nó chỉ trêu ghẹo mình thế thôi. Tháng trước nhà nấu một nồi năm canh bánh đa. Nó lén vào ăn lúc nào chả biết, thành ra lúc mình ăn, cá thì vừa nhũn vừa tanh, bánh thì rán ra, như là canh thiêu. Thế mà chỉ vừa múc ra bát có một lúc, chỉ độ ăn giáp bã trầu chứ có để lâu la gì đâu.

Trạch cứ ngó người ra. Trinh nuốt bọt, cười, nhìn em. Trạch hỏi:

– Cái gì thế, chị?

– Nói đến canh bánh đa mà thèm!

Trạch cũng thấy mồm dần dần đầy nước dãi. Chúng nhịn đói từ trưa hôm qua đến giờ. Giờ làm đói kém, nhà nào cũng thế thôi: trưa nay một lùm lùm bát, đợi đến trưa mai

mới lại được một lùm lùm bát. Trạch, mấy tháng ở nhà dì, cứ mỗi ngày ba bữa ăn đến tròn cái bụng, bây giờ đói quá. Càng đói nó càng thương chị: chị nó chưa được ăn no bao giờ. Nhưng thương hại thế thôi, chứ biết làm sao được? Bà thì già, mẹ thì túng, chúng nó còn lau nhau cả, chỉ biết ăn không biết làm, đào đâu ra tiền mà ăn no? Nó bảo Trinh:

– Thôi, chúng ta cố làm xong chỗ này đi; đến trưa, rồi ăn cơm.

Trinh, an phận:

– Phải đấy. Bây giờ mà ước canh bánh đa thì còn là treo mõm!

Rồi nó cúi xuống, loay hoay giấy cỏ. Nhưng cái thềm ăn chưa chịu rời khỏi óc; nó lại bảo:

– Hãy ước một tấm bánh đa thật giòn mà nhai cho sướng mõm.

Trạch nghĩ ngợi một thoáng, rồi bảo:

- Thế thì được.
- Không biết lấy tiền đâu mà được?
- Tôi hãy còn một xu.

Đó là tiền dì nó cho, đi xe còn thừa. Nó định để bỏ ống, nhưng nghĩ thương chị quá, không nỡ để. Nó bàn với chị:

– Ta đi ra chợ hàng mua tấm bánh đa, chị em mình ăn chơi.

Trình cảm động. Một xu đối với nó thật là to tát. Nếu nó có, nó chỉ đùm thật kỹ, chẳng chịu bỏ ra bao giờ. Nó biết Trạch cũng quý tiền ngang ngang với nó. Trạch có muốn đãi chị, mới chịu bỏ đồng xu ra. Nó không muốn phá hại em như thế ấy...

– Thôi, Trạch ạ. Đừng ăn nữa hoài tiền. Để dành rồi tiêu gì thì tiêu. Bây giờ cũng gần ăn cơm rồi.

– Không, tôi đói lắm, không làm được nữa.

– Cố mà nhịn, cho quen, em ạ.

– Tội gì có tiền mà nhịn! Rõ ra người giòì
đầy. Ta đi nào.

Nói rồi nó đi ngay. Trinh khoác cái rổ
sê² lên vai, chạy theo em. Nó cẩn thận thế,
để nếu có gặp bà hay mẹ hỏi, thì sẽ nói: đi hót
rác. Nhưng chẳng ai trông thấy chúng. Hai
đứa dắt tay nhau ra chợ hàng.

Giờì nắng chói. Cây cối đứng im như
bằng sắt. Lá hơi rũ xuống, tựa nóng quá mà
mềm ra. Trinh và Trạch thấy đường làng vắng
ngắt. Bóng chúng nó đã thu gọn vào dưới
chân. Trưa rồi đây. Chả biết người hàng bánh
có còn đấy không?

Trinh bảo Trạch:

– Hàng hết người rồi, em ạ.

– Thì cứ lại.

– Trông kia kia: có còn ma nào ở đâu?

- Thì cứ lại. Ngộ họ ngồi trong quán.
- Họ ngồi đấy bán cho ma nào, vào lúc này? Người ta đang ăn cơm cả rồi.
- Thì cứ lại. Đã đi đến đây rồi, còn mấy bước nữa, sao lại về?
- Lại thì lại nhưng cũng bằng công toi!
- Công toi thì công toi!

Chúng đi thẳng ngay vào quán. Sắp bước vào Trạch bỗng hoảng hốt quay ra, chạy: nó thấy một con trâu đen, to, dữ dội, sừng cong và nhọn hoắt, xộc ra đuổi nó. Trinh chẳng trông thấy gì, nhưng thấy em chạy, thì cũng chạy theo em. Chúng dắt dúi nhau cùng chạy. (Những người gặp chúng kể lại rằng chúng chỉ đi rảo bước chứ không phải chạy). Chạy một lúc thì chúng quên hẳn con trâu. Quên cả việc đi mua bánh đa ăn cho đỡ đói. Mà chúng cũng không đói nữa. Chúng thấy người nhẹ nhõm, lòng vui vui. Chúng định đi đâu?

Chúng không biết. Mà cũng không biết con đường đang đi là đường nào. Cảnh hai bên khoáng dã và tươi đẹp. Những đồng lúa bát ngát dải màu xanh non đến tận chân gò; một vài cái ao, nước lấp lánh dưới những tia nắng đẹp; một xóm rất nhiều nhà gạch, san sát như ngoài phố; một cái đền, đầu mái cong chọc thủng đám lá si; một cái cầu gỗ; lại một cái đền như cái trước, một xóm nhà gạch như xóm trước, rồi ao, rồi ruộng, rồi một xóm nhà gạch, một cái đền, một cái cầu gỗ nữa... Cảnh không thay đổi mấy, quanh quẩn chỉ mấy thứ đó, nhưng chúng đi không biết chán...

Bỗng Trinh níu em, đứng dừng lại trên bờ một cái lạch, nước trong veo. Tôm tép nhiều quá, lúc nhúc, giá lấy rổ chao cũng được vài, ba bát. Hai đứa vén quần lội xuống. Trinh lấy rổ sê⁶ chao. Tôm tép ngầu ngầu trong rổ, nó thích quá! Thích quá! Giời ơi! Nhiều biết bao! Nhưng đến lúc nhắc rổ lên thì tôm tép lọt ra ngoài mất cả. Những nan rổ sê thừa, mắt rổ

6 Rổ sê: rổ to, chắc

to lọt là phải lắm. Bỏ thì tiếc. Tìm đâu được cái gì mà chao bây giờ? Trạch cúi xuống, lấy bàn tay vót cái vạt áo trước của nó phè xuống nước. Trinh bỗng nghĩ ra một cách: lấy vạt áo của Trạch làm vó chao. Nó bảo Trạch xè vạt áo ra, cúi xuống. Trạch cúi, cố cúi nhưng vẫn chưa chao được. Trinh bỗng quắc mắt lên. Nó nắm lấy cái cổ tròn tròn của em, dúi xuống. Trạch thét lên, Trinh cười sằng sặc, càng dúi mạnh. Trạch chống lại. Trinh bóp cổ. Trạch lão đảo. Đầu nó gần sát nước. Nó vùng vẫy. Vô ích: Trinh khỏe quá, mà bùn thì sâu.

Nhưng có tiếng người lão quá. Trinh giật mình, quay lại: một người đàn bà vạt áo che đầu, đang thoăn thoắt đi về phía chúng. Trinh hoảng hốt dắt tay em trèo lên đường, bảo nhau cùng chạy trốn. Trạch lơ mờ thấy một chút bản khoắn; nó thoảng nhớ đến nhà, bảo chị:

– Đi về đi, chị Trinh đi.

Trình vénh mặt lên, mắng nó:

– Thế thì mày hèn lắm! Thế thì mày hèn lắm!

Trạch sợ chị giận, im không nói nữa. Nó cúi đầu đi theo. Rồi bước chân nó nhẹ thêm. Nó lại vui như trước. Chúng vừa đi vừa hát những câu hay quá, chưa bao giờ chúng hát. Chúng hát đi hát lại, chỉ sợ rồi lại quên.

Bây giờ đến một cây vām. Thân thẳng và to, lá um tùm, ánh nắng không lọt qua kẽ được. Trình đứng lại. Trạch làm theo. Hai đũa cùng ngắm nghía:

- Cái cây này đẹp nhỉ!
- Ta trèo lên đây.
- Ủ, ta trèo lên cây vām này.
- Rúc vào đám lá kia thì thật mát.
- Mà kín đáo, đổ còn ai trông thấy.

- Đố còn ai trông thấy!
- Chui giậu vào.
- Chui giậu vào, trèo lên.

Nhưng ba con chó rất to, xộc ra, nhe những cái răng trắng hớn. Chúng sủa âm ỉ, cắn những cái cột giậu tre sồn sột. Có con lấy chân trước cào cào đất. Con nào cũng chực nhảy xổ vào chúng nó. Lại có tiếng người trong nhà chạy ra. Trinh và Trạch sợ hãi, bỏ cây vạm, chạy...

Bây giờ chúng ngừng lại trước một cái vườn tĩn mịch. Giậu rất thưa, chỉ khe rạch là chui vào được. Qua lỗ giậu, chúng thấy một cái nhà gianh, nhỏ bé. Không thấy chó. Hình như cũng chẳng có ai ở nhà. Vừa tiện! Chúng lảng lảng ra hiệu cho nhau chui vào. Chúng nhìn ngơ ngác một lúc, rồi lại một gốc chuối kín đáo hơn tất cả. Trinh hạ cái rổ sề. Hai đứa bước vào, ngồi khoanh chân lại, quay mặt vào với nhau. Chúng nói khe khẽ như sợ có người

nghe thấy. Hai đứa cùng lo lắng. Chúng chỉ lo gặp người ta vào.

Cơm dọn xong rồi. Người ta gọi Trinh và Trạch. Không thấy đứa nào thưa. Chết thật! Hay rơi xuống ao cả rồi? Người ta tìm khắp vườn. Chẳng thấy đâu. Người nọ hỏi người kia. Mẹ chúng đã rưng rưng nước mắt. Cả nhà nhón nhác, mỗi người chạy một ngả, đi tìm.

Khiết, chị lớn của Trinh và Trạch, đi ra phía hàng. Hàng không có người. Khiết đang phân vân chưa biết đi ngả nào thì gặp bà Lai. Bà này bảo gặp chúng khoác cái rổ đi trong quăng đến Nhà Quan:

– Tôi tưởng chúng nó đi lấy ngọn mía ở nhà bà phó Nhuận. Cứ thấy chúng nó giở đi giở lại ba bốn lần ở quăng từ tha ma đến cầu gổ.

Khiết chạy một mạch đến nhà bà phó Nhuận. Im ắng cả. Không chừng bà lại khóa

cửa đi đầu rồi. Khiết gọi. Khiết mới gọi một tiếng, đã thấy trong vườn lắc rắc. Chắc con chó chạy ra cắn trộm. Khiết cúi xuống, phòng bị sẵn. Nhưng không, Khiết thoáng thấy hai đứa trẻ chạy về phía sân. Một đứa cầm rổ sẽ úp lên đầu. Đích là chúng nó! Chúng nó vào làm gì đây?

Bà phó Nhuận, đang bế con, thiu thiu ngủ, mơ màng như có tiếng ai gọi ngoài ngõ. Bà vừa mở mắt, thì thấy Trinh và Trạch vào. Mặt chúng đại hăn ra; mặt chúng xám ngắt. Chắc là chúng phải đòn, trốn vào đây. Trạch chạy nép vào một xó nhà. Trinh luống cuống, lại ra ngoài xuống bếp. Nghe Khiết gọi, bà muốn giấu cho hai cháu, không lên tiếng. Không thấy thừa, Khiết vào. Trạch cuống quýt, chạy vù ra. Khiết đuổi theo. Trạch hoảng hốt ôm chầm lấy cây cau, mắt long lên, thét thật to như sợ đánh. Bà phó Nhuận nắm tay Khiết lại:

– Chị tha cho em. Đánh mãi nó sợ thất tinh lạc đi thì chết.

– Nào có ai đánh nó!

Trạch chạy vào trong bếp. Bà phó Nhuận ái ngại:

– Tội nghiệp! Chúng nó là trẻ con; đe chúng nó qua loa, ai lại làm chúng nó thất kinh như thế ấy?

Khiết chạy theo vào bếp. Cả Trinh, cả Trạch, đang cuống cuống chui đầu vào đồng gio. Khiết nắm chúng lôi ra. Chúng run rẩy và mắt nháo nhác như sợ lắm. Đứa nào cũng so người lại. Khiết quát to ba bốn tiếng. Chúng dần dần ngậy người, dờ mặt ra. Một lúc lâu, Trạch tỉnh dần. Nó bẽn lễn, khe khẽ kêu:

– Chị Khiết.

– Chúng mày đi đâu đấy.

Nó ngơ ngác như không hiểu. Khiết hỏi:

– Chúng mày vào nhà bà phó làm gì đây?

Nó nhìn bà phó Nhuận, khe khẽ chào:

– Bà.

– Sao đang làm cỏ, chúng mày bỏ đi như thế?

Trạch ngẩn mặt ra như cố nhớ. Nó lắc đầu...

– Không khéo chúng bị ma đưa rồi.

– Phải đấy. Chúng nó bị ma đưa đây mà.

5. CHÚ KHÌ

NGƯỜI ĐÁNH TỔ TÔM VÔ HÌNH

Năm ấy, tôi mới đổi về trường phủ T. Đ. Vì có việc bất hòa với gia đình, nên cuối năm tôi nhất định ở lại trường, không về nhà ăn Tết. Tính vốn ít giao thiệp, nên tôi cũng chẳng đến chơi nhà nào, ngày ngày cứ ăn xong lại vui đầu vào chăn ngủ. Mãi đến hôm mồng bốn, nhân thằng Ngô xin phép về nhà nó chơi suốt một ngày, còn mình tôi buồn quá, nên khoác áo, khóa trái cửa trường, bước ra đi.

Lúc ấy đã bốn giờ chiều. Nắng úa lảm rồi, và ngày bỗng lảng một cái buồn cô tịch. Tôi

thấy một thứ khó chịu gần như về thể chất, một nỗi bứt rứt không đâu, và có lúc muốn vô cớ òa lên khóc như một đứa trẻ ngủ ngày vừa thức dậy. Tôi vừa đi vừa cau có rửa thắm cả mọi người: Sở Học chính đã đối tôi về cái trường khốn nạn này, ông anh dở hơi đã làm tôi không về nhà ăn Tết, cái huyện buồn như một cái tha ma, bọn dân vùng này ngu như một đàn bò, và – vô lý quá! – cả cái thằng Ngô mất dạy mà chính tôi, sáng hôm nay, đã thuận cho đi chơi đến tối...

Bây giờ thì nắng tắt hẳn rồi. Sương mờ nặng trên sông và thả nỗi u uất vào kẽ những cành cây ỉ rũ. Một vài người, tay thu bọc dáng điệu xo ro, đi ra từ những cái ngõ tối như hang. Họ vừa ở đám bạc ra về, hay đi tìm đám bạc...

Tôi bỗng nảy ra một ý: đến nhà ông chánh hội làng L. Đ. đánh tổ tôm. Ông này có đứa con học lớp nhì, và hai ba lần đến chơi với tôi, khẩn khoản mời tôi bao giờ quá bộ đến

chơi nhà ông để ông và mấy ông bạn tổ tôm của ông được thừa tiếp tôi mấy hội. Tôi hứa nhưng chưa bao giờ làm cả. Có chăng là hôm nay.

Quả nhiên, ông chánh hội lấy làm hân hạnh lắm! Và tôi đã được biết thế nào là uống rượu với các ngài nhà quê! Ấy là ông chánh biết tính những nhà tây học không ưa kể cả đây; nếu không, có lẽ sau bữa rượu ấy, có lẽ tôi đã sục xuống đất và không bao giờ còn đứng lên. Sự thực thì chưa bao giờ tôi uống nhiều đến thế. Chén này, chén khác, tôi mềm môi uống mãi, muốn quấy tan sâu vào rượu.

Mà hai ông được mời đến tiếp tôi, – một ông lý có cái mồm bèm bẹp, và một ông đồ nhất trường cái mồm, trái hẳn lại, múm mím và mỗi khi cười thì vành môi đỏ chót cứ thụt vào lại nhô ra rồi lại thụt vào trông rất buồn cười, – hai ông ấy, với chủ nhân nữa, cố nhiên không phải là những người mới ba chén mặt đã đỏ gay lên rồi.

Câu chuyện lúc đầu hết sức ôn tồn, lễ phép, dần dần đổi ra thân mật, rồi suồng sã, sau cùng thì gần như thô tục; một ông nói to hơn, ông khác làm theo, ông thứ ba đâm ra quát tháo; ai cũng hung hăng đòi nói cả, thành ra chẳng ai nghe thấy gì. Riêng tôi, vẫn tỉnh táo để giữ gìn miệng lưỡi, nhưng cũng đã thấy mặt nóng giừn giựt, mắt dim dip, mà cái đầu nặng quá chỉ muốn chúi vào trong mâm.

Nhưng rồi bữa rượu cũng phải xong. Sức chứa của mỗi cái bình đều có hạn; những cái bình chứa rượu là các ông kỳ mục cũng không thể thoát ra ngoài cái luật thiên nhiên này. Rượu đã xong, thì người nhà có thể xếp dọn rồi: những người uống tợn không mấy ai ăn nhiều. Ông chánh hội quát bọn đầy tớ nhà ông âm ỉ vì chưa tìm ra một người thứ năm cho đủ chân tổ tôm.

Cụ Cán bên hàng xóm thì đi vắng mãi tự chiều; còn ông phó Cúc thì đã đang đánh xóc

đĩa rồi mà ông đã ngồi vào đám xóc đĩa, thì – thằng nào nói dối cả nhà nhà nó chết! – cái nhà thờ tổ nhà ông có cháy ông cũng không đứng lên đâu mà hòng! Người ta đã nhắc cho ông chánh biết những điều ấy hai ba lần rồi, nhưng hình như ông không nghe thấy gì, nên lại quát:

– Ô hay! Chúng mày không đi mời cụ nào đánh tổ tôm.

– Bẩm ông, không còn ai có nhà.

– Hừ! Cụ Cán?

– Bẩm ông cụ Cán đi vắng.

Thấy ông chưa nghe hết câu đã quay vào nghe ông lý với ông Nhất cãi nhau về một về câu đối nhớ sai, thằng đây tớ nói to:

– Bẩm ông ạ...

– Cái gì?

- Cụ Cán đi vắng ạ.
- Tao biết rồi. Thế ông phó Cúc?
- Bẩm ông, ông phó đang chơi xóc đĩa.
- Bảo ông ấy sang đây hầu tổ tôm ông giáo.
- Bẩm ông, ông phó đang thua.
- Mặc kệ! Cứ nắm cổ ông ấy kéo sang đây.
- Con đã mời hai ba lượt...
- Để tao sang mới được.

Nói xong, ông xỏ giày, thất thểu đi ngay.
Tôi nắm tay ông, kéo lại:

- Thôi, cụ chánh để cho ông ta gỡ.
- Bẩm vâng ạ, nhưng cháu phải bắt ông ấy sang đây hầu ngài vài hội đã...

- Thôi tôi xin cụ.
- Bẩm được, không sao; ngài cứ để cháu sang.
- Ông để cho khi khác...
- Được mà...
- Thôi cụ chánh...

Thấy hai ba người cùng can, ông đành lại ngồi xuống, nhưng có vẻ không bằng lòng. Nghĩ ngợi một lát, ông bỗng khẽ hỏi chúng tôi:

- Hay mời ngay chú Khi?

Hai ông khách kia nghiêm nét mặt, nhìn tôi do dự. Chắc kẻ ông chánh định mời là một người không chúc tước, không tiện để ngồi cùng tôi chăng? Tôi thuận ngay:

- Bẩm được ạ. Ai cũng được... ai chả thế.

Ông chánh đưa mắt nhìn quanh nhà một cái, rồi bảo nhỏ tôi:

– Có điều này tôi phải dặn trước ông: chú Khi không phải là người như ông và tôi...

Tôi vội gạt đi:

– Cái đó không hề gì. Đã đánh bạc ai có tiền cứ đánh.

– Điều ấy thì ông không lo; chú có tiền thật như tiền của chúng ta tiêu vậy...

(Tôi nghĩ bụng: cái ông này khéo lẩn thẩn! Chắc say búa ra mất rồi...)

–... mà chú phân minh lắm, không chẳng bữa của ai một đồng. Nhưng ông phải hết sức giữ vẻ tự nhiên mới được. Đừng tò mò, đừng dò hỏi lôi thôi, tính chú Khi rất ghét người ta cứ vừa đánh tổ tôm vừa dò la chuyện chú. Chú ấy thất ý lên thì đập cả đèn ra ngay.

Ông lý vội cướp lời:

– Như cái lần ở nhà cụ chánh Thư. Không biết ai nói lời thôi gì mà chú Khi cầm cả năm bài ném vào cái đèn ba dây vỡ đến “choang” một cái.

Tôi ngạc nhiên, không hiểu cái người hay câu kinh ấy là một người ra thế nào, mà ai cũng có vẻ kiêng nể thế? Ông chánh hội lại co lấy cái quyền nói về phần ông:

– Thì hôm ở nhà ông thủ quỹ Xiêm cũng thế...

Nhưng ông Nhất bỗng gạt đi:

– Ông chánh đừng nói nữa. Nói lời thôi mãi chú ấy giận không thèm chơi đâu.

Rồi quay sang tôi ông dặn:

– Cả ông giáo nữa nhé. Ông nhớ cứ thản nhiên như không cho. Hễ chúng tôi bảo đánh

thì cứ đánh, đừng hỏi lời thôi gì.

Tôi tỏ ý ứng thuận, nhưng thật ra sự tò mò bị kích thích ghê gớm lắm.

Ông chánh hội gọi người nhà đem bài ra chia. Cái ông này say quá đến nỗi đặt cái cày trước con trâu! Tôi nghĩ bụng thế vì chưa thấy ông sai đứa nào đi mời chú Khì cả. Nhưng bài chia xong, ông chánh nghiêm trang, tay nọ nắm tay kia như một cậu học trò khúm núm, nhìn vào một góc nhà mà nói:

– Anh em chúng tôi mời chú Khì chơi vài hội tổ tôm.

Tôi bật cười, chính vì cái trò đùa của ông vô duyên quá. Nhưng ông Nhất nhìn tôi một cái trách móc đến nỗi tôi phải ngừng ngay lại, mặt hơi bẽn lễn. Mọi người ngồi ngay ngắn ra từng góc, như sẵn sàng để đánh. Tôi vô tình làm theo. Ông chánh giao hẹn:

– Chú xong rồi đấy chú? Nào ta chơi. Ta gộp nhỏ hai đồng thôi: ù sông bốn hào tôm lấy sáu, lèo tám, thập hồng kính cổ một đồng, bạch định đồng hai... Mời ông giáo cho cái ạ.

Tôi ngập ngừng, nhìn vào một chỗ ngồi còn trống. Ông lý bẹp mồm nháy mắt ra hiệu với tôi: “Cứ bắt”. Tôi miễn cưỡng phải nghe theo, nhưng ngượng nghịu như bắt buộc phải dự vào một trò chơi quá trẻ con không hợp với cái tuổi và cái nghề của mình đạo mạo. Con bài của tôi rút ở nọc, vạt lên một phần bài rồi, mỗi người nhằm phần mình vợ lấy.

Ông chánh vợ phần còn lại ném vào góc trống. Tôi nhìn theo, và rợn hản người: góc ấy tối hản đi, năm bài biến vào đấy, không còn trông thấy nữa. Cái đèn bị muội đen che về phía giường ấy chẳng? Ấy là cái óc chuộng khoa học của tôi cố bám bứu lấy một cái gì để cắt nghĩa cái hiện tượng vô lý ấy. Nhưng con mắt ngơ ngác của tôi gặp đôi mắt trùng trùng của ông Nhất; hình như ông muốn bảo:

«Ông phải bình tĩnh lại; ông đừng lộ vẻ kinh ngạc thế». Tôi cúi mặt, ngồi lặng lẽ, nhưng gần như ngạt thở. Sợ hãi, tức tối, hay chỉ vì cố đè nén sự tò mò của mình thái quá?... Ông lý lên bài xong rồi, giục:

– Cái cụ nào, xin đánh đi cho.

Ông chánh hội, chẳng nói chẳng rằng, vật đến đét một con bài về chỗ trống. Mắt tôi hoa chẳng? Rõ ràng tôi thấy từ bóng tối rơi xuống hai con bài khác, và một con thứ ba vật về khe đầu cánh. Ông Nhất ăn, và vật một con về khe ông lý. Đến lượt ông này đánh cho tôi. Tôi bốc một con, chẳng còn tâm trí nào xem có ăn được hay không, quăng cho ông chánh. Tôi chỉ nóng nảy xem ông này đánh lại một lần thứ hai cho người chơi tổ tôm vô hình. Lần này quân bài của ông chánh ném qua vẫn nằm trơ trọi một mình, không có hai quân sa xuống tiếp. Tôi nghĩ bụng: “Cái phép lạ chỉ đến đây là phải hết!” Nhưng ông Nhất bảo:

– Chú không ăn? Tôi bốc hộ.

Và ông rút một quân trong nọc ném vào chỗ “chú”. Tức thì hai con bài lại kể tiếp nhau, từ khoảng không rơi xuống. Và một thoáng sau, một con nữa vạt về khe cụ Nhất... Tôi không còn sức nào chịu được! Đầu tôi quay cuồng. Tôi phải dụi mắt hai ba lượt. Tôi lần tay vào túi áo pardessus. Họ tưởng tôi tìm diêm thuốc. Quân bài đến khe tôi. Tôi không cần nhìn, rút một con ở nọc ném cho ông chánh. Tôi thấy đây rồi. Và đột nhiên trong lúc chẳng ai ngờ, tôi chìa về góc chú Khì vô hình một cái đèn bấm. Ông Nhất kêu lên. Ông chánh nắm vội lấy cổ tay tôi. Và “soạt” một tiếng, cả một nắm bài ném vào mặt tôi, túi bụi. Tôi đưa tay vuốt mặt. Tiếp theo một tiếng “choang”. Đèn tắt phụt. Những mảnh thủy tinh rơi.

– Đã biết mà! Khổ quá! Khổ quá!

– Thôi ông giáo mới đến đây không biết. Tôi xin chú. Chúng tôi xin chú...

– Cầm cái đèn con lên đây, chúng mày!

Mọi người nhộn nhạo cả lên. Tôi không biết chui vào đâu được. Thỉnh thoảng tôi lại so người lại. Tôi tưởng như một bàn tay bí mật nào sắp nắm lấy cổ tôi. Bỗng tôi thét to lên. Một cái bàn tay cứng rắn vừa chạm phải vai tôi. Cái bàn tay rút lại. Trong lúc cuống quýt, tôi ngã lăn xuống đất... nhưng thằng ở đã cầm đèn con lên. Rồi một cái đèn búp măng, ngọn to hơn. Người ta đỡ tôi lên. Bọn đầy tớ quét và thu dọn những vật đổ vỡ bừa bộn trên giường lại. Ông chánh hội cười khanh khách:

– Ông giáo bị một bữa hết hồn.

Tôi thú thật rằng sợ quá. Nhưng một ý nghi ngờ rụt rè ở miệng tôi:

– Có lẽ các cụ dùng «phép ngoại» trêu tôi một bữa.

Ông chánh vẫn cười:

– Ngài dạy thế, chứ chúng cháu có phải là thầy phù thủy đâu? Mà cho rằng có phù phép nữa, chả lẽ dùng để trêu ngài hay sao?

Rồi ông kể cho tôi nghe chuyện của con người bí mật hay giận dữ kia: chú Khi.

Đến bây giờ tôi vẫn phân vân, không biết có thể tin được hay không, cái chuyện thậm vô lý ấy?

“Chú Khi là một ông thầy thuốc Tàu, đến vùng này cách đây đã lâu năm. Khi mới đến, tiếng Nam chú đã thạo lắm rồi. Một thân một mình ở chỗ đất khách quê người, chú tìm cách làm thân với bọn chức dịch các làng để có thể làm ăn yên ổn. Vì thế chú quen hầu hết các người tai mắt ở quanh đây. Và cũng vì thế chú học đánh tổ tôm, và về sau chơi mãi thành ra nghiện. Ở đâu có tổ tôm là đến liền.

Cách đây ba, bốn năm, chú ốm dằng dai đến hơn một tháng, uống đủ mặt thuốc mà không qua khỏi được, đành phải chết. Biết mình không có ai thân thích, trước khi chết chú cho tìm ông tổng Trung – hồi ấy đang làm lý trưởng – và ông cựu Cát đến, giao cho một trăm tám, nhờ lo liệu chôn cất giùm. Hai ông nhận tiền, đứng ra làm ma cho chú. Cố nhiên là hai ngài cũng có chấm mút ít nhiều chứ chẳng không. Dẫu ai thì cũng thế!

Ba, bốn tháng sau, một đêm mưa, chúng tôi chơi ở nhà ông tổng Trung; muốn đánh tổ tôm chơi, nhưng thiếu chân, mà mưa to quá, không tìm ai được. Tôi nói đùa:

– Giá chú Khi mà còn sống thì có bão chú ấy cũng lò dò tới ngay.

Một người nói:

– Tội nghiệp! Thế mà đã ra ma rồi.

Ông tổng vừa ngáp vừa kêu lên:

– Chú Khì ơi! Ở đâu thì về mà đánh tổ tôm.

Bỗng ngọn đèn bị gió thổi tắt phụt đi. Ông tổng gọi con lấy bao diêm. Nhưng tự nhiên ngọn đèn lại cháy. Người ta đoán rằng gió mới thổi hắt ngọn lửa xuống, chưa tắt hẳn. Im gió, thì ngọn lửa lại nhô lên. Không cần nghĩ cách nào có lý hơn, người ta đành nhận như thế là có lý. Nhưng bỗng chẳng có tí gió nào, ngọn đèn cũng lại tắt đi. Có lẽ hết dầu? Không phải, vừa đổ đầy phao từ chập tối; ít nhất phải ba đêm mới hết. Người ta chực đánh diêm. Nhưng diêm chưa cháy thì đèn lại cháy. Mọi người đã đâm ngờ rồi. Tôi trèo lên bàn, xem lại cái đèn; tôi vặn lên vặn xuống, bắc tốt lắm, chẳng làm sao. Tôi vừa bước xuống cái đèn lại tắt. Bây giờ thì không ai cần diêm nữa; ai cũng tin rằng rồi tự nhiên lại cháy lên như thường. Quả nhiên. Cứ thế, luôn năm, sáu lần. Tôi bỗng nảy ra một ý; tôi hỏi to:

– Có phải chú Khi đấy không?

Đèn tắt.

– Có phải chú muốn đánh tổ tôm thì đốt cho đèn sáng lên.

Đèn sáng lên. Hai ba người cùng sửng sốt.

– Đánh góp mấy đồng?

Đèn tắt đi, sáng lên thật nhanh, bốn lần.

– Bốn đồng!.. Bốn đồng hử? Chúng tôi không đủ tiền. Đánh nhỏ thôi.

Tôi đợi một phút. Cái đèn tắt đi sáng lên hai lần. Mọi người đang sợ hãi, thấy thế cũng phải bật cười. Tôi bảo ông tổng cho chia bài...

Hôm ấy, vong linh chú Khi đánh tổ tôm với chúng tôi lần đầu. Lần thứ nhì chú đánh ở nhà tôi. Rồi đến nhà ông cựu Cát, ông phó

Cúc, ông lý Lực... Lâu dần, khắp bọn tổng lý vùng này đều có chơi với chú, như hỏi chú còn sống vậy. Có điều này, ai cũng phải nhận là có thật: là chú chơi rất tử tế, được ăn thua chịu – tiền thật hản hoi, không biết lấy ở đâu? – miễn là đừng ai kể lể gì động đến chú trong khi chơi, là được rồi...»

Ông chánh hội vừa ngừng, ông Nhất đã bảo tôi:

– Hôm nay ông giáo làm thế, chú Khi giận lắm. Lần sau đố còn mời được chú.

Đó là một điều mà tôi càng nghĩ càng tiếc ngơ tiếc ngẩn.

* * *

Một buổi tối cách đây ít lâu, tôi lại đến chơi nhà ông chánh hội; tôi thú thật ngay với ông cái ý định của tôi:

– Tôi muốn cụ cố nói khéo mời chú Khi về cho tôi được hầu vài hội...

Không đợi tôi nói hết, ông lắc đầu cười:

– Chẳng may cho ông rồi. Chú Khi không còn bên An Nam; chú về Tàu được đến mười hôm rồi.

– Sao cụ biết?

– Đêm hôm ấy, tôi đang mơ màng dở thức dở ngủ, chợt nghe như có tiếng người gọi:

“Chào ông chánh hội nhé...”

“Ai đấy?”

“Tôi đây. Chú Khi đây. Chào ông chánh hội, tôi đi về Tàu”.

Tôi giật mình ngồi nhồm dậy, và cứ tưởng là mình nằm mơ. Hôm sau tôi kể lại chuyện

chiêm bao ấy với ông phó Cúc. Không ngờ ông này cũng nghe thấy thế. Cả ông tổng Trung, ông cựu Cát, ông lý Lực... gần khắp mặt dân tổ tôm vùng này...

Thấy tôi ngơ ngẩn tiếc, ông an ủi:

– Vả lại, nếu chú Khi còn ở lại, cũng không chịu chơi với ông đâu; chú ấy sợ ông lại chiếu đèn “pin” vào mặt chú.

Tôi mỉm cười. Và trong khi đỡ chén nước ông mời, tôi nghĩ bụng: “Thật thế hay không? Hay đó chỉ là một ngón ‘bịp’ khéo của ông chánh hội?”

6. GIỜ LỘT XÁC

Buổi chiều rất nặng nề. Giời oi bức lạ. Một gợn gió cũng không. Vũ trụ như chín nẫu, âm ỉ tan ra thành một thứ nước đặc, hâm hấp nóng. Người ta chìm trong cái nồng nực ẩm ướt ấy như con sâu uế oải bơi trong quả thối.

Tuyên dâm dập bồ hôi. Chàng thở nặng nề như đắm trong một bể dầu nhớp và âm ẩm. Thân thể rã rời, muốn rửa ra cùng mọi vật. Trái tim, rụng giữa cảnh tàn phá ấy, đập khê và hấp tấp như một kẻ thất vọng gần kiệt sức. Gân óc chùng ra. Ý nghĩ mất sáng suốt,

hỗn loạn như trong cơn sốt. Những đau đớn, phần uất, oán hờn bút rút quần quai trong một trái tim cũng bắt đầu thối luống.

Thao vẫn chưa về! Chàng nghĩ thế và thấy giời nực thêm lên chút nữa. Bao nhiêu những việc xưa trở lại. Không phải từng việc – chàng đã mất sáng suốt – nhưng mà tất cả. Tất cả rửa ra, tràn lên những nỗi đau đớn đang quần quai. Sự bút rút cứ mỗi phút một gấp nghìn lên, vì chàng còn không buồn giấy dọn. Không một cái đập tay, một không cái nghiêng răng, không một tiếng tục tằn. Đến cả một tiếng thở dài hay một tia mắt giận dữ cũng không có nữa. Mắt chàng nặng trĩu đã dim díp rồi. Sự khổ não càng âm ỉ.

Âm ỉ nhiều giờ như thế. Vì đến tận chín giờ đêm, Thao mới về. Nàng cũng chỉ còn là một cái xác rã rời. Một con người uể oải chứa nỗi day dứt tối tăm của người tê liệt.

Tuyên tưởng cần giữ vẻ thản nhiên khinh bỉ. Sự rũ liệt của chàng xui chàng thế. Và chàng nằm im, chỉ cố mở hai mắt to hơn ngó trần nhà. Thao cảm thấy – rất nhanh – một sự dửng dưng khó chịu. Rất nhanh, vì nàng sẵn khó chịu rồi. Nàng tưởng cần phải đáp lại bằng sự lặng thinh hờ hững. Nàng chỉ hơi cau mặt.

Chẳng ai nói với ai, Thao lặng lẽ ngả mình bên Tuyên. Hai nỗi đau thâm lặng cứ âm ỉ trong hai trái tim chín nẫu. Nỗi bức bối chất nặng thêm, cũng như ngoài giờ, sự oi bức thêm dày đặc.

Mọi vật sống trong sự đợi chờ. Sự đợi chờ bút rút một nỗi đau phải đến. Cửa con động đón ngày biến thành ngài. Cửa con ve sắp trút lần da cứng để non trẻ lại. Và của cái mầm sống sắp xé lòng mẹ để ra đời...

Giờ nặng trĩu đợi một làn chớp mạnh.

Một tiếng sấm rung, lay chuyển sự yên lặng nặng nề. Vũ trụ run lên trong một cái đau đớn đầy sáng khoái. Gió vùng nổi dậy vùn đi cái khí nặng nẫu người. Từng làn điện chớp quất không gian thanh thoát. Mọi vật đều thức dậy. Và đầu tiên thức dậy cái dữ dội điên cuồng. Mây trút giận thành mưa. Không khí vùng vằng, vằn cằn, rút lá.

Tuyên thấy gân, thịt mình sống lại, nổi oán hờn rõ rệt ra, và bật lên một cử chỉ phũ phàng giải thoát: chàng đập mạnh Thao một cái. Tiếng sét đã nổ rồi! Những lời giận dữ, những tiếng chua cay, những oán hận ghen tuông được dịp trút ra như mưa như gió...

Rồi hai người cùng khóc. Hai người cùng thấy nhẹ lòng. Và cùng lịm đi trong một giấc ngủ ngon lành, mát mẻ.

Mưa đã dứt, khi Tuyên bừng mắt dậy. Vừa mới sáng. Giời xanh và dịu như ở ngày

mới có giờ. Không khí mát và trong. Cây cối, còn đọng mưa đêm, tươi lại. Bên những lá dập những mầm cỏ, những búp non rướn lên cao. Chim ríu rít như lần đầu chúng hót... Chàng thấy lòng êm dịu lạ. Người nhẹ nhõm, như vừa tắm xong, thay một cái áo mỏng thênh thang. Một nụ cười tự nhiên nở trên môi. Chàng ngồi dậy nhìn Thao. Mắt nàng còn đọng lệ tựa giọt nước trong đọt lá. Nhưng mặt nàng bình tĩnh, tươi trẻ như cây cỏ chung quanh. Khí lạnh làm da nàng trắng mát như hoa huệ.

Chàng có cảm tưởng như nàng lột xác để trẻ ra. Sung sướng, chàng cúi xuống, đặt trên môi nàng một cái hôn; chàng thấy tươi mát như môi nàng còn trinh bạch. Thao cười vẫn nhắm mắt, như một đứa bé cười với cơn mơ. Nàng đưa hai cánh tay trần mát rượi lên vòng lấy cổ chàng. Hai người băng khuâng như mới bắt đầu sống sang kiếp khác.

Bạn Thanh Tường! Sao bạn lại bi quan?
Nhân loại chẳng tự sát bằng chiến tranh đâu.
Nhân loại đang quần quại trong nỗi đau đớn
của thời kỳ lột xác.

7. CÁI CHẾT CỦA CON MỰC

Người ta định giết Mực đã lâu rồi. Mực là con già hơn trong hai con chó của nhà. Nhưng lại cũng là con nhiều vết xấu. Nó tục ăn: cũng là thường, vì nó là con chó. Nó nhiều vắt: thì nó khổ! Nó hay cắn càn: ấy là cái khó chịu của bọn ăn mày. Nhưng nó lại sữa như một con gà gáy: cái này thì không thể tha thứ được.

Thoạt tiên, người ta định ngày chết cho nó vào dịp Thanh Minh. May cho nó, bà chủ nhà bị ốm. Rồi thì là Tết tháng Năm. Bỗng nhiên đứa con út của bà hơi ươn mình: bà phải kiêng để lấy sữa lành cho con bú. Sau

hết người ta nhất định thít nó vào ngày rằm tháng Bảy, ai ốm mặc. Nhưng lần này Mực vẫn còn thoát nạn. Và thoát nạn là vì nhờ có Du. Người con cả ở xa xôi ấy vừa viết giấy báo: sắp về. Bà mẹ mừng như tìm được một vật quý bị rơi. Thế là người ta nhất định lùi ngày xử con Mực lại...

Bây giờ thì Du về rồi. Chiều hôm qua con người phóng đăng ấy đã khệ nệ xách cái va-li rất nặng bước vào sân, miệng nở cười, mặt đỏ. Cái nhà tranh, mấy cây cau hình như vừa đúng thẳng hơn lên để chào chàng. Rồi đến lũ em âm ỹ đẩy màn chạy òa ra, và bà mẹ mừng quá, cười và khóc. Nhưng kẻ lên tiếng trước nhất là con Mực. Con chó già nua ấy rít lên cái thứ tiếng gà gáy của nó và chạy lại Du. Bà mẹ thét lên và lũ em chửi những câu thô tục. Du thấy mắt hình như ướt nước. Chàng bỗng ngỡ nhìn mọi người...

– Hình như mẹ không được khỏe... Ô các em đã lớn cả rồi: Thanh, Tú, đứa nào đây? À,

Thảo con chuột nhắt! Trông Thảo xinh quá nhỉ? À! Con Mực, vẫn con chó ngày ấy đấy à? Trông nó già đi tệ!...

Con chó đã nhận ra người chủ cũ. Nó đứng lặng vẫy đuôi, đầu cúi xuống, hai mắt nhèm ương ướn nhìn đất, như tui phạm. Du ái ngại: đó là người bạn lặng lẽ, thui thủi bên chàng những năm xưa, khi đêm vắng chàng ngồi nhìn giăng mà mộng. Chàng muốn vuốt ve nó, nhưng nó bắn ghê gớm quá: lông rụng từng mảng, thịt trắng lộ ra, có khi sẵn mụn nữa. Dáng điệu thì già nua, ảo não buồn, len lén như phòng bị một cách yếu ớt. Không còn những cái vẫy đuôi mạnh dạn, những cái nhìn rất bạn bè, những cái hít chân vồ vập của một con chó vui và không ngờ vực.

Du cảm thấy lòng nặng thay! Chàng lấy chân khẽ chạm vào con chó để tỏ tình thương. Con Mực vẫy đuôi mạnh hơn nhưng nhẹ nhẹ lánh ra: dáng điệu của một kẻ sợ cố cười với người mình sợ. Và tức khắc nó vặn mình đi

một cái, rít lên một tiếng ngắn và to: đứa em tưởng anh đá hụt trả thù cho anh bằng một cái đá mạnh vào cạnh sườn con vật. Nó lấm lét lảng dần, cũng không dám thẳng thắn ra mặt tránh. Du khẽ trách:

– Sao Tú ác thế?

– Cần gì, đến mai giết thịt cho anh ăn đấy.

Du thấy cái vui đoàn tụ giảm đi rất nhiều...

* * *

Hình ảnh con chó ghẻ với cái buồn mơ hồ cứ lảng vảng trong óc chàng mãi mãi. Sáng hôm sau lúc ăn cơm chàng thoáng thấy nó đi qua, đầu cúi mắt nhìn nghiêng như những người có tính gian. Chàng muốn gọi nó vào, muốn để nó đứng giữa hai chân, muốn vừa ăn vừa gắp cho nó những miếng cơm chung một bát. Nhưng mà không thể được: dụi dằm quá là yếu linh hồn, và ai hiểu được rằng chàng lại

có thể phí tình thương cho một con chó bản ghê gớm thế?

Bữa ăn xong, con Hoa ra sân, một tay cầm một bát cơm, tay kia nhắc cái thúng tựa ở gốc cau gần đấy, như để rồi xếp bát. Trông thấy cơm, tất cả thú tính của con vật hoàn toàn nổi dậy. Nó nhảy tới, vẫy đuôi, hếch mõm nhìn và đợi. Cơm vừa đổ xuống nó đã vội vàng chúi mõm ăn ngay. Miếng ăn chưa qua cổ thì cái thúng đã chụp mạnh trên lưng nó. Nó rít lên một tiếng, vùng mạnh cái thân; nhưng Hoa đã tì cả người lên cái thúng rồi; con Mực bị thu gọn ở trong vừa vặn đến nỗi không còn giãy và kêu được. Lũ trẻ con chạy ủa ra. Chúng lấy sẵn sàng dao, thớt và dây để trói. Phần mở thúng đã đành phải về Du: ông bố vắng nhà thì cả nhà chỉ còn chàng là kẻ đàn ông, mà không lẽ lại đi mượn hàng xóm trói giùm một con chó đã úp gọn gàng trong thúng?

Nhưng thật thà Du chẳng quen những việc thế này; người ta phải dạy cách cho chàng bắt; cũng chẳng khó khăn gì; chàng chỉ việc hé cạp thúng lên khỏi mặt đất để con chó lách đầu ra; một đứa em sẽ đặt gậy lên cổ chó và chàng phải lấy chân dận xuống... Nào chàng hãy nhích cạp thúng lên! Tí nữa! Tí nữa! Mà vững tay một chút! Nhưng tay chàng thấy run run. Và khi con chó vừa thò đầu ra thì nó quấy luôn một cái và vùng ra mất. Nó hoảng hốt quay lộn mấy vòng, vừa quay vừa ằng ằng. Kịp khi Hoa nắm gậy phang chạm phải đuôi, nó mới chột tỉnh; cầm đầu chạy biến.

Con Hoa tủm tỉm cười. Lũ em ngơ ngác tiếc. Còn Du thì mặt đỏ như gấc chín. Chàng đã yếu tay hơn cả con Hoa. Có lẽ nào chàng lại dịu lòng hơn một người con gái! Và tự nhiên chàng giận Mực. Người ta còn sợ nó đi mất nữa.... Quả nhiên, suốt ngày hôm ấy nó không về. Nó vẫn ở vườn hàng xóm, lẩn lút như một con chó dại. Buổi trưa, khi nghe

tiếng Hoa gọi về để ăn cơm, nó lút cút cầm đầu chạy xa hơn nữa. Người ta đã tưởng thế là toi. Nhưng tối hôm ấy, khi đã vào giường, Du lại nghe cái thứ tiếng gà gáy của nó rống lên ngoài phía ngõ.

Sáng hôm sau, nó vẫn bỏ cơm. Trưa hôm sau cũng thế. Hễ cứ thấy bóng người là nó lại vừa vẩy đuôi vừa len lén chạy. Cái vẩy đuôi của nó, Du trông mà thương hại! Chàng sai người đem cơm đổ ra vườn rồi lảng xa đi. Một lúc lâu sau, Mực mới dám lại gần. Nó trông trước trông sau, rón rén đưa mõm rê trên những hạt cơm, rồi bỗng vô cớ giật nảy mình, cầm đầu chạy thẳng. Có lẽ cái kỷ niệm bị úp lắn ăn trước lòe ra mạnh quá đã quất vào thần kinh nó như luồng điện chăng? Du thấy bồn chồn rất vẩn vơ: chàng thương Mực hay sợ nó đi mà chết đói? Hay là then sự mình vụng tay? Sau cùng thì chàng bức bối: chàng tấm tức nhận ra rằng một con chó đã làm mất sự bình tĩnh của tâm hồn chàng. Và

đột nhiên chàng muốn giết con Mực lắm.

Chàng còn làm nên trò gì nữa, nếu chỉ giết một con chó mà trái tim cũng đập?

Sự do dự đã hết rồi. Khi chỉ có một ý định thì ý định dễ thành mạnh mẽ. Du cứng lòng, và hung dữ, và muốn giết say sưa. Chàng tưởng đến cái thú gí lưỡi dao lạnh giá vào súc thịt giã lên đành đập, và ấn mạnh, ấn mạnh, cái nắm tay gân guốc, để máu ầm vọt ra từng tia lên cổ tay, lên ngực, lên mặt mình. Vì thế, chiều hôm ấy, khi thấy con chó ở vườn, thì chàng gân reo lên.

Con vật khốn nạn chống với đói và lo rùng rã hai hôm nên đã mệt lử rồi. Nó lịm ngủ đi bên bờ giậu. Du cầm cái gậy thật to rón rén lại gần. Đến tận nơi, giơ gậy lên, chàng bỗng thấy tim run một cái; hơi thở tưởng như đột nhiên muốn tắc, và chàng đành ngừng lại một giây để nhìn con chó. Giấc ngủ của nó đầy ác mộng: thỉnh thoảng khắp mình nó

lại giật lên. Du thấy sự cứng cỏi tiêu tán hết. Nhưng con chó bỗng giật mình. Sợ nó chạy, Du thẳng cánh vụt mạnh gậy xuống. Bụng nó thót vào rồi lại phình ra như một khối cao su. Nó kêu rống lên, chạy quanh mấy vòng, rồi chui bừa qua giậu trong khi Du nhắm mắt vụt cuống cuống mặt đất...

Đêm đã khuya, Du mới lại nghe tiếng Mực rống lên. Chàng bồi hồi quá, và nhất định không giết con chó còm ấy nữa.

* * *

Nhưng gần sáng, chàng còn mơ mơ màng màng thì Hoa đã gọi rồi lên. Con vật khốn nạn không biết mỗi một đến bậc nào mà ngủ quên ở ngay sân để đến nỗi Hoa chụp được. Lần này người ta cẩn thận hơn. Hai, ba người du vào một cái gậy tre ngang sân bên cạnh thúng, rồi Hoa mới ý tứ nhích cặp thúng lên. Thấy sáng, Mực nhô ra cái đầu mõm đen và ướt, thở phì phì. Hoa thì một đầu gối lên mặt

thúng rồi mới nhích lên tí nữa. Mực lách cả cái đầu ra. Cái gậy tre đè xuống. Mực không còn đủ thì giờ để kêu...

– Đè chặt đấy! Đè thật chặt! Đừng thương nó, buông ra giờ nó cắn!...

Du kêu lên thế nhưng tiếng đã run run. Con chó phì ra một cái nữa; hơi thở mới thoát một nửa thì bị tắc. Cái gậy đè sát đất. Mắt nó trợn lên. Tròng đen ươn ướt cứ dờ dẩn, dờ dẩn, rồi ngược lên, lẩn một nửa vào mí mắt. Tròng trắng đã hơi đục. Lúc Hoa trói xong cả chân trước, chân sau thì con chó đã mềm rũ ra. Du quay đi lau nước mắt.

Novembre 1941

Nam Cao

